

Phụ lục 9

Địa điểm treo, đặt băng rôn tuyên truyền nhiệm vụ chính trị

(Kèm theo Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh An Giang)

| STT | Địa điểm | Số lượng | Ghi chú |
|-------------------------------------|---|-------------|---|
| ĐƠN VỊ: THÀNH PHỐ LONG XUYÊN | | | |
| A | KHU VỰC CẮM TREO BĂNG RÔN (Không có) | | |
| B | KHU VỰC ĐƯỢC TREO BĂNG RÔN | 3420 | Băng rôn ngang: 410 vị trí; Băng rôn dọc: 3.010 vị trí |
| I | Khu vực ngoài đô thị | 400 | Băng rôn ngang: 40 vị trí; Băng rôn dọc: 360 vị trí |
| 1 | Xã Mỹ Khánh (từ cầu Thông Lưu đến tiếp giáp xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành) | 200 | Băng rôn ngang: 20 vị trí; Băng rôn dọc: 180 vị trí |
| 2 | Xã Mỹ Hòa Hưng (từ bến phà Trà Ôn đến bến phà Ô Môi) | 200 | Băng rôn ngang: 20 vị trí; Băng rôn dọc: 180 vị trí |
| II | Đường nội ô | 2650 | Băng rôn ngang: 342 vị trí; Băng rôn dọc: 2.308 vị trí |
| 1 | Đường Trần Hưng Đạo (Quốc lộ 91), khu vực từ cầu Cái Sắn Lớn đến cầu Xếp Bà Lý - giáp ranh huyện Châu Thành) | 700 | Băng rôn ngang: 70 vị trí; Băng rôn dọc: 630 vị trí |
| 2 | Tỉnh lộ 943, phường Mỹ Hòa (từ khu vực tiếp giáp đường Hà Hoàng Hổ đến công chào huyện Thoại Sơn) | 200 | Băng rôn ngang: 20 vị trí; Băng rôn dọc: 180 vị trí |
| 3 | Đường Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Hòa (từ cầu Tôn Đức Thắng đến khu vực tiếp giáp đường Hà Hoàng Hổ - Tỉnh lộ 943) | 60 | Băng rôn ngang: 08 vị trí; Băng rôn dọc: 52 vị trí |
| 4 | Đường Thành Thái, phường Bình Khánh (từ khu vực tiếp giáp đường Hàm Nghi đến cầu Tôn Đức Thắng) | 30 | Băng rôn ngang: 04 vị trí; Băng rôn dọc: 26 vị trí |
| 5 | Đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh (từ khu vực tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo đến căn tin Sao Mai) | 70 | Băng rôn ngang: 20 vị trí; Băng rôn dọc: 50 vị trí |
| 6 | Đường Quán Cơ Thành, phường Bình Khánh (từ khu vực tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo đến tiếp giáp đường Phan Bội Châu) | 30 | Băng rôn ngang: 06 vị trí; Băng rôn dọc: 24 vị trí |

| | | | |
|----|---|----|---|
| 7 | Đường Hàm Nghi, phường Bình Khánh (từ khu vực tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo đến khu vực tiếp giáp đường Thục Phán) | 70 | Băng rôn ngang: 06 vị trí; Băng rôn dọc: 64 vị trí |
| 8 | Đường Phan Bội Châu, phường Bình Khánh (từ khu vực tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo đến bên phà Trà Ôn) | 50 | Băng rôn ngang: 06 vị trí; Băng rôn dọc: 44 vị trí |
| 9 | Đường Võ Văn Hoài, phường Bình Khánh (từ cầu Thông Lưu đến tiếp giáp đường Nguyễn Thanh Sơn) | 50 | Băng rôn ngang: 06 vị trí; Băng rôn dọc: 44 vị trí |
| 10 | Đường Thục Phán, phường Bình Khánh (từ khu vực tiếp giáp đường Võ Văn Hoài đến khu vực tiếp giáp đường Nguyễn Trường Tộ) | 80 | Băng rôn ngang: 08 vị trí; Băng rôn dọc: 72 vị trí |
| 11 | Đường Lê Triệu Kiệt, phường Mỹ Bình (từ cầu Duy Tân đến khu vực tiếp giáp đường Lý Thường Kiệt) | 30 | Băng rôn ngang: 06 vị trí; Băng rôn dọc: 24 vị trí |
| 12 | Đường Tôn Đức Thắng, phường Mỹ Bình (từ khu vực tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo đến công viên Tôn Đức Thắng) | 40 | Băng rôn ngang: 10 vị trí; Băng rôn dọc: 30 vị trí |
| 13 | Đường Lê Hồng Phong, phường Mỹ Bình (từ khu vực tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo đến vòng xoay Bông Lúa) | 30 | Băng rôn ngang: 06 vị trí; Băng rôn dọc: 24 vị trí |
| 14 | Đường Đinh Tiên Hoàng, phường Mỹ Bình (từ cầu Hoàng Diệu đến cầu Duy Tân) | 20 | Băng rôn ngang: 04 vị trí; Băng rôn dọc: 16 vị trí |
| 15 | Đường Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình (từ khu vực tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo đến khu vực tiếp giáp đường Nguyễn Hoàng) | 50 | Băng rôn ngang: 06 vị trí; Băng rôn dọc: 44 vị trí |
| 16 | Đường Lê Lợi, phường Mỹ Bình (từ khu vực tiếp giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Tỉnh ủy An Giang) | 30 | Băng rôn ngang: 10 vị trí; Băng rôn dọc: 20 vị trí |
| 17 | Đường Lê Văn Nhung, phường Mỹ Bình (từ cầu Nguyễn Thái Học đến khu vực tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo) | 40 | Băng rôn ngang: 06 vị trí; Băng rôn dọc: 34 vị trí |
| 18 | Đường Ngô Quyền, phường Mỹ Bình (từ chân cầu Nguyễn Trung Trực đến khu vực tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng) | 30 | Băng rôn ngang: 06 vị trí; Băng rôn dọc: 24 vị trí |
| 19 | Đường Nguyễn Du, phường Mỹ Bình (từ khu vực tiếp giáp đường Lê Lợi đến khu vực tiếp giáp đường Trần Quốc Toản) | 30 | Băng rôn ngang: 06 vị trí; Băng rôn dọc: 24 vị trí |
| 20 | Đường Phạm Hồng Thái, phường Mỹ Bình (từ cầu Hoàng Diệu đến cầu Duy Tân) | 20 | Băng rôn ngang: 02 vị trí; Băng rôn dọc: 18 vị trí |
| 21 | Đường Nguyễn Trãi, phường Mỹ Long (từ khu vực tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo đến chợ Long Xuyên) | 40 | Băng rôn ngang: 06 vị trí; Băng rôn dọc: 34 vị trí |
| 22 | Đường Hùng Vương, phường Mỹ Long (từ nhà thờ Chánh tòa Long Xuyên đến cầu Hùng Vương) | 40 | Băng rôn ngang: 06 vị trí; Băng rôn dọc: 34 vị trí |

| | | | |
|----|--|----|---|
| 23 | Đường Hai Bà Trưng, phường Mỹ Long (từ vòng xoay trước UBND phường Mỹ Long đến khu vực tiếp giáp đường Nguyễn Trãi) | 20 | Băng rôn ngang: 02 vị trí; Băng rôn dọc: 18 vị trí |
| 24 | Đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long (từ khu vực tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo đến bên phà Ô Môi) | 20 | Băng rôn ngang: 04 vị trí; Băng rôn dọc: 16 vị trí |
| 25 | Đường Thoại Ngọc Hầu, phường Mỹ Long (từ khu vực tiếp giáp đường Nguyễn Huệ đến khu vực tiếp giáp đường Lý Thái Tổ) | 40 | Băng rôn ngang: 04 vị trí; Băng rôn dọc: 36 vị trí |
| 26 | Đường Lý Thái Tổ, phường Mỹ Long (từ khu vực tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo đến bên phà An Hòa) | 60 | Băng rôn ngang: 08 vị trí; Băng rôn dọc: 52 vị trí |
| 27 | Đường Bùi Văn Danh, phường Mỹ Xuyên (từ cầu Hoàng Diệu đến khu vực tiếp giáp đường Bùi Thị Xuân) | 40 | Băng rôn ngang: 06 vị trí; Băng rôn dọc: 34 vị trí |
| 28 | Đường Trần Quang Diệu, phường Mỹ Xuyên (từ khu vực tiếp giáp đường Bùi Thị Xuân đến khu vực tiếp giáp đường Hà Hoàng Hồ) | 20 | Băng rôn ngang: 04 vị trí; Băng rôn dọc: 16 vị trí |
| 29 | Đường Trần Khánh Dư, phường Mỹ Xuyên (từ khu vực tiếp giáp đường Hà Hoàng Hồ đến cuối đường) | 60 | Băng rôn ngang: 04 vị trí; Băng rôn dọc: 56 vị trí |
| 30 | Đường Võ Thị Sáu (từ khu vực tiếp giáp đường Hà Hoàng Hồ đến trước trường phổ thông Thực hành sư phạm) | 70 | Băng rôn ngang: 04 vị trí; Băng rôn dọc: 66 vị trí |
| 31 | Đường Hà Hoàng Hồ, phường Mỹ Xuyên và phường Đông Xuyên (từ vòng xoay Đền Bốn Ngọn đến khu vực tiếp giáp Tỉnh lộ 943) | 70 | Băng rôn ngang: 08 vị trí; Băng rôn dọc: 62 vị trí |
| 32 | Đường Ung Văn Khiêm, phường Đông Xuyên và phường Mỹ Phước (từ khu vực tiếp giáp đường Hà Hoàng Hồ đến khu vực tiếp giáp đường Phạm Cự Lượng) | 70 | Băng rôn ngang: 10 vị trí; Băng rôn dọc: 60 vị trí |
| 33 | Đường Nguyễn Văn Linh, phường Mỹ Phước (từ khu vực tiếp giáp đường Ung Văn Khiêm đến cổng chính trường Đại học An Giang) | 50 | Băng rôn ngang: 10 vị trí; Băng rôn dọc: 40 vị trí |
| 34 | Đường Phạm Cự Lượng, phường Mỹ Phước và phường Mỹ Quý (từ khu vực tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo đến UBND phường Mỹ Phước) | 40 | Băng rôn ngang: 08 vị trí; Băng rôn dọc: 32 vị trí |
| 35 | Đường Triệu Quang Phục, phường Mỹ Phước (từ khu vực tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo đến khu vực tiếp giáp đường Thoại Ngọc Hầu) | 50 | Băng rôn ngang: 06 vị trí; Băng rôn dọc: 44 vị trí |
| 36 | Đường Tô Hiến Thành, phường Mỹ Phước (từ khu vực tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo đến chợ Mỹ Phước) | 60 | Băng rôn ngang: 04 vị trí; Băng rôn dọc: 56 vị trí |
| 37 | Đường Thánh Thiên, phường Mỹ Quý (từ khu vực tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo đến Cục Thi hành án Dân sự tỉnh) | 20 | Băng rôn ngang: 02 vị trí; Băng rôn dọc: 18 vị trí |

| | | | |
|------------|---|------------|--|
| 38 | Đường Dương Diên Nghệ, phường Mỹ Quý (từ khu vực tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo đến khu vực tiếp giáp khu đô thị Tây Sông Hậu) | 60 | Băng rôn ngang: 04 vị trí; Băng rôn dọc: 56 vị trí |
| 39 | Đường Lê Chân, phường Mỹ Quý (từ khu vực tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo đến trạm y tế phường Mỹ Quý) | 30 | Băng rôn ngang: 02 vị trí; Băng rôn dọc: 28 vị trí |
| 40 | Đường Trần Quang Khải, phường Mỹ Thới (từ khu vực tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo đến UBND phường Mỹ Thới) | 30 | Băng rôn ngang: 06 vị trí; Băng rôn dọc: 24 vị trí |
| 41 | Đường chợ Cái Sao, phường Mỹ Thới (từ khu vực tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo đến chợ Cái Sao) | 60 | Băng rôn ngang: 10 vị trí; Băng rôn dọc: 50 vị trí |
| 42 | Chợ Xẻo Trôm, phường Mỹ Phước (đường Trần Phú, đường Ung Văn Khiêm) | 20 | Băng rôn ngang: 04 vị trí; Băng rôn dọc: 16 vị trí |
| 43 | Chợ Mỹ Phước, phường Mỹ Phước (đường Hùng Vương, đường Tô Hiến Thành) | 20 | Băng rôn ngang: 04 vị trí; Băng rôn dọc: 16 vị trí |
| III | Trong các công viên | 160 | Băng rôn ngang: 28 vị trí; Băng rôn dọc: 132 vị trí |
| 1 | Trong khuôn viên Công viên Nguyễn Tất Thành, phường Mỹ Phước | 20 | Băng rôn ngang: 04 vị trí; Băng rôn dọc: 16 vị trí |
| 2 | Trong khuôn viên Công viên Châu Mạnh Trinh, phường Mỹ Quý | 20 | Băng rôn ngang: 04 vị trí; Băng rôn dọc: 16 vị trí |
| 3 | Trong khuôn viên Công viên Phạm Cự Lượng, phường Mỹ Quý | 20 | Băng rôn ngang: 04 vị trí; Băng rôn dọc: 16 vị trí |
| 4 | Trong khuôn viên Công viên Ung Văn Khiêm, phường Đông Xuyên | 20 | Băng rôn ngang: 04 vị trí; Băng rôn dọc: 16 vị trí |
| 5 | Trong khuôn viên Công viên Tôn Đức Thắng, phường Mỹ Bình | 30 | Băng rôn ngang: 04 vị trí; Băng rôn dọc: 26 vị trí |
| 6 | Trong khuôn viên Công viên Nguyễn Du, phường Mỹ Bình | 30 | Băng rôn ngang: 04 vị trí; Băng rôn dọc: 26 vị trí |
| 7 | Trong khuôn viên Công viên Nguyễn Đăng Sơn, phường Mỹ Bình | 20 | Băng rôn ngang: 04 vị trí; Băng rôn dọc: 16 vị trí |
| IV | Trên dây phân cách | 210 | Băng rôn dọc: 210 vị trí |
| 1 | Đường Trần Hưng Đạo (Quốc lộ 91), khu vực từ cầu Cái Sắn Lớn đến cầu Cái Sơn | 200 | Băng rôn dọc: 200 vị trí |

| | | | |
|-----------------------------------|---|------------|---|
| 2 | Đường Trần Hưng Đạo (Quốc lộ 91), khu vực cầu Trà Ôn đến cầu Nguyễn Trung Trực, phường Bình Khánh | 10 | Băng rôn dọc: 10 vị trí |
| ĐƠN VỊ: THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC | | | |
| A | KHU VỰC CẮM TREO BĂNG RÔN | | |
| | Không có | | |
| B | KHU VỰC ĐƯỢC TREO BĂNG RÔN | | |
| I | Khu vực ngoài đô thị | 120 | 20 băng rôn ngang 100 băng rôn dọc |
| 1 | đường tránh Quốc lộ 91(đường N1) (từ ngã 3 Tôn Đức Thắng - N1, phường Vĩnh Mỹ đến ngã 3 N1- Quốc lộ 91, xã Vĩnh Tế) | 60 | 10 băng rôn ngang 50 băng rôn dọc |
| 2 | đường Tỉnh lộ 955 A (từ ngã 3 Trường Đua - Tỉnh lộ 955A, phường Châu Phú A đến cầu Tha La, xã Vĩnh Tế) | 60 | 10 băng rôn ngang 50 băng rôn dọc |
| II | Đường nội ô | 500 | 100 ngang 400 băng rôn dọc |
| PHƯỜNG CHÂU PHÚ A | | 242 | 28 băng rôn ngang 214 băng rôn dọc |
| 1 | đường Nguyễn Văn Thoại (từ ngã 3 Nguyễn Văn Thoại - Lê Lợi - Trần Hưng Đạo đến ngã 4 Nguyễn Văn Thoại - Trường Đua- Tân Lộ Kiều Lương - Hoàng Diệu) | 24 | 4 băng rôn ngang 20 băng rôn dọc |
| 2 | đường Thủ Khoa Nghĩa (từ ngã 3 Nguyễn Văn Thoại - Thủ Khoa Nghĩa đến ngã 3 Thủ Khoa Nghĩa - Louis Pasteur) | 12 | 2 băng rôn ngang 10 băng rôn dọc |
| 3 | đường Thủ Khoa Huân (từ ngã 3 Nguyễn Văn Thoại - Thủ Khoa Huân đến ngã 3 Thủ Khoa Huân - Sương Nguyệt Anh) | 1 | 1 băng rôn ngang |

| | | | |
|----|--|----|-------------------------------------|
| 4 | đường Trần Hưng Đạo (từ ngã 3 Nguyễn Văn Thoại - Lê Lợi - Trần Hưng Đạo đến ngã 3 Trần Hưng Đạo - Louis Pasteur) | 14 | 4 băng rôn ngang 10 băng rôn dọc |
| 5 | đường Phan Văn Vàng (từ ngã 3 Nguyễn Văn Thoại - Phan Văn Vàng đến ngã 3 Phan Văn Vàng - Suong Nguyệt Anh) | 10 | băng rôn dọc |
| 6 | đường Quang Trung (từ Ngã 3 Nguyễn Văn Thoại - Quang Trung đến ngã 3 Quang Trung - Suong Nguyệt Anh) | 10 | băng rôn dọc |
| 7 | đường Suong Nguyệt Anh (từ Ngã 3 Trần Hưng Đạo - Suong Nguyệt Anh đến ngã 3 Suong Nguyệt Anh - Cự Trị) | 14 | 2 băng rôn ngang 12 băng rôn dọc |
| 8 | đường Đống Đa (từ ngã 3 Thủ Khoa Nghĩa - Đống Đa đến ngã 3 Đống Đa - Trần Hưng Đạo) | 10 | băng rôn dọc |
| 9 | đường Bạch Đằng (từ ngã 3 Thủ Khoa Nghĩa - Bạch Đằng đến ngã 3 Bạch Đằng - Trần Hưng Đạo) | 10 | băng rôn dọc |
| 10 | đường Chi Lăng (từ ngã 3 Thủ Khoa Nghĩa - Chi Lăng đến ngã 3 Chi Lăng - Trần Hưng Đạo) | 10 | băng rôn dọc |
| 11 | đường Nguyễn Hữu Cảnh (từ ngã 3 Thủ Khoa Huân - Nguyễn Hữu Cảnh đến ngã 3 Nguyễn Hữu Cảnh - Lê Công Thành) | 12 | 2 băng rôn ngang 10 băng rôn dọc |
| 12 | đường Lê Công Thành (từ Ngã 3 Nguyễn Văn Thoại - Lê Công Thành đến ngã 3 Lê Công Thành - Suong Nguyệt Anh) | 1 | băng rôn ngang |
| 13 | đường Phan Đình Phùng (từ ngã 3 Nguyễn Văn Thoại - Phan Đình Phùng đến ngã 3 Phan Đình Phùng - Bạch Đằng) | 1 | băng rôn ngang |
| 14 | đường Cự Trị (từ ngã 3 Nguyễn Văn Thoại - Cự Trị đến ngã 3 Cự Trị - Louis Pasteur) | 10 | 2 băng rôn ngang 8 băng rôn dọc |

| | | | |
|--------------------------|--|------------|---|
| 15 | đường Trường Đua (từ ngã 4 Nguyễn Văn Thoại - Trường Đua- Tân Lộ Kiều Lương - Hoàng Diệu đến ngã 3 Trường Đua - Louis Pasteur) | 10 | 2 băng rôn ngang 8 băng rôn dọc |
| 16 | đường Doãn Uẩn (từ Ngã 3 Cử Trị - Doãn Uẩn đến chân cầu Cồn Tiên) | 12 | 2 băng rôn ngang 10 băng rôn dọc |
| 17 | đường Tân Lộ Kiều Lương (từ ngã 4 Nguyễn Văn Thoại - Trường Đua- Tân Lộ Kiều Lương - Hoàng Diệu đến ngã 4 Tân Lộ Kiều Lương - Lê Hồng Phong - Nguyễn Thị Minh Khai) | 60 | băng rôn dọc |
| 18 | đường Louis Pasteur (từ ngã 3 Trần Hưng Đạo - Louis Pasteur đến ngã 3 Louis Pasteur - Trường Đua) | 10 | 2 băng rôn ngang 8 băng rôn dọc |
| 19 | đường Trần Quốc Toản (từ ngã 3 Trần Hưng Đạo - Trần Quốc Toản đến cuối đường Trần Quốc Toản) | 1 | băng rôn ngang |
| 20 | đường Nguyễn Đình Chiểu (từ ngã 3 Thủ Khoa Nghĩa - Nguyễn Đình Chiểu đến ngã 3 Nguyễn Đình Chiểu - Trần Hưng Đạo) | 10 | 2 băng rôn ngang 8 băng rôn dọc |
| PHƯỜNG CHÂU PHÚ B | | 160 | 36 băng rôn ngang 124 băng rôn dọc |
| 1 | đường Lê Lợi (từ ngã 3 Nguyễn Văn Thoại - Lê Lợi - Trần Hưng Đạo đến ngã 4 Nguyễn Tri Phương - Tôn Đức Thắng- La Thành Thân - Lê Lợi) | 28 | 4 băng rôn ngang 24 băng rôn dọc |
| 2 | đường Nguyễn Trường Tộ (từ ngã 3 Lê Lợi - Nguyễn Trường Tộ đến ngã 3 Nguyễn Trường Tộ - Thủ Khoa Huân) | 2 | băng rôn ngang |
| 3 | đường Nguyễn Tri Phương (từ ngã 4 Nguyễn Tri Phương - Tôn Đức Thắng- La Thành Thân - Lê Lợi đến ngã 4 Nguyễn Tri Phương - Hoàng Diệu - Mậu Thân - 30/4) | 20 | 4 băng rôn ngang 16 băng rôn dọc |
| 4 | đường Hoàng Diệu (từ ngã 4 Nguyễn Tri Phương - Hoàng Diệu - Mậu Thân - 30/4 đến ngã 4 Nguyễn Văn Thoại - Trường Đua- Tân Lộ Kiều Lương - Hoàng Diệu) | 18 | 2 băng rôn ngang 16 băng rôn dọc |

| | | | |
|----|--|----|-------------------------------------|
| 5 | đường Trương Định (từ ngã 3 Lê Lợi - Trương định đến ngã 3 Trương Định - Thủ Khoa Huân) | 2 | băng rôn ngang |
| 6 | đường Tôn Thất Tùng (từ ngã 3 Tôn Thất Tùng - Thủ Khoa Huân đến ngã 3 Tôn Thất Tùng - Phạm Ngọc Thạch) | 1 | băng rôn ngang |
| 7 | đường Châu Long (từ ngã 3 Lê Lợi - Châu Long đến ngã 3 La Thành Thân - Châu Long) | 2 | băng rôn ngang |
| 8 | đường Phạm Ngọc Thạch (từ ngã 3 Trương Định - Phạm Ngọc Thạch đến cuối đường Phạm Ngọc Thạch) | 1 | băng rôn ngang |
| 9 | đường Trưng Nữ Vương (từ ngã 3 Lê Lợi - Trưng Nữ Vương đến ngã 3 Trưng Nữ Vương - Hoàng Diệu) | 20 | 4 băng rôn ngang 16 băng rôn dọc |
| 10 | đường Thi Sách (từ ngã 3 Trưng Nữ Vương - Thi Sách đến ngã 3 Thi Sách - Nguyễn Văn Thoại) | 10 | 2 băng rôn ngang 8 băng rôn dọc |
| 11 | đường 30/4 (từ ngã 4 Nguyễn Tri Phương - Hoàng Diệu - Mậu Thân - 30/4 đến ngã 3 30/4 - Lê Hồng Phong) | 1 | băng rôn ngang |
| 12 | đường Lê Lai (từ ngã 3 Lê Lợi - Lê Lai đến ngã 3 Lê Lai - Phan Đình Phùng) | 5 | 1 băng rôn ngang 4 băng rôn dọc |
| 13 | đường Trần Nguyên Hãn (từ ngã 3 Lê Lợi - Trần Nguyên Hãn đến ngã 3 Trần Nguyên Hãn - Phan Đình Phùng) | 5 | 1 băng rôn ngang 4 băng rôn dọc |
| 14 | đường Phan Đình Phùng (từ ngã 3 Nguyễn Văn Thoại - Phan Đình Phùng đến ngã 3 Phan Đình Phùng - Nguyễn Tri Phương) | 24 | 4 băng rôn ngang 20 băng rôn dọc |
| 15 | đường Phan Văn Vàng (từ ngã 3 Nguyễn Văn Thoại - Phan Văn Vàng đến ngã 3 Phan Văn Vàng - Trưng Nữ Vương) | 1 | băng rôn ngang |
| 16 | đường Thủ Khoa Huân (từ ngã 3 Nguyễn Văn Thoại - Thủ Khoa Huân đến ngã 3 Thủ Khoa Huân - Nguyễn Tri Phương) | 19 | 3 băng rôn ngang 16 băng rôn dọc |
| 17 | đường Quang Trung (từ ngã 3 Nguyễn Văn Thoại - Quang Trung đến ngã 3 Quang Trung - Trưng Nữ Vương) | 1 | băng rôn ngang |

| | | | |
|-----------------------|---|-----------|--|
| PHƯỜNG VĨNH MỸ | | 28 | 10 băng rôn ngang 18 băng rôn dọc |
| 1 | đường La Thành Thân (từ ngã 4 Nguyễn Tri Phương - Tôn Đức Thắng- La Thành Thân - Lê Lợi đến ngã 3 Bên Đá - La Thành Thân - Châu Long) | 1 | băng rôn ngang |
| 2 | đường Tôn Đức Thắng (từ ngã 4 Nguyễn Tri Phương - Tôn Đức Thắng- La Thành Thân - Lê Lợi đến Cầu Kinh Đào) | 10 | băng rôn dọc |
| 3 | đường Châu Long (ngã 3 La Thành Thân - Châu Long đến Cầu Chợ Giồng) | 3 | băng rôn ngang |
| 4 | đường Mậu Thân (từ ngã 4 Nguyễn Tri Phương - Hoàng Diệu - Mậu Thân - 30/4 đến Khu đô thị thành phố Lễ Hội) | 10 | 2 băng rôn ngang 8 băng rôn dọc |
| 5 | đường Kênh Đào (từ ngã 3 Châu Long - Kênh đào đến ngã 3 Kênh Đào - Lê Hồng Phong) | 3 | băng rôn ngang |
| 6 | đường Ven Bãi (từ ngã 3 Châu Long - Ven Bãi đến Cầu Hoà Hiệp) | 1 | băng rôn ngang |
| PHƯỜNG NÚI SAM | | 62 | 18 băng rôn ngang 44 băng rôn dọc |
| 1 | đường Vòng Núi Sam (từ ngã 3 Tân Lộ Kiều Lương - Vòng Núi Sam đến ngã 3 Vòng Núi Sam - Quốc Lộ 91) | 20 | 4 băng rôn ngang 16 băng rôn dọc |
| 2 | đường Hoàng Đạo Cật (từ ngã 3 Tân Lộ Kiều Lương - Hoàng Đạo Cật đến ngã 3 Hoàng Đạo Cật - Tỉnh lộ 955A) | 1 | băng rôn ngang |
| 3 | đường Châu Thị Tế (từ ngã 3 Tân Lộ Kiều Lương - Châu Thị Tế đến ngã 3 Châu Thị Tế - Vòng Núi Sam) | 15 | 3 băng rôn ngang 12 băng rôn dọc |
| 4 | đường Lê Đại Cương (từ ngã 3 Tránh Quốc lộ 91 - Lê Đại Cương đến ngã 3 Lê Đại Cương - Tân Lộ Kiều Lương) | 18 | 2 băng rôn ngang 16 băng rôn dọc |

| | | | |
|--------------------------|--|------------|-----------------------|
| 5 | đường Mai Văn Tạo (từ ngã 3 Vòng Núi Sam - Mai Văn Tạo đến ngã 3 Mai Văn Tạo - Tân Lộ Kiều Lương) | 2 | băng rôn ngang |
| 6 | đường Kha Thị Láng (từ ngã 3 Tân Lộ Kiều Lương - Kha Thị Láng đến ngã 3 Kha Thị Láng - Châu Thị Tế) | 1 | băng rôn ngang |
| 7 | đường Bến Vựa (từ ngã 3 Vòng Núi Sam - Bến Vựa đến ngã 3 Bến Vựa - Tỉnh lộ 955A) | 1 | băng rôn ngang |
| 8 | đường Vĩnh Xuyên (từ ngã 3 Quốc lộ 91- Vĩnh Xuyên đến ngã 3 Vĩnh Xuyên - Tỉnh lộ 955A) | 1 | băng rôn ngang |
| 9 | đường Lê Hồng Phong (từ ngã 3 Tân Lộ Kiều Lương - Lê Hồng Phong - đến ngã 3 Lê Hồng Phong - Tỉnh lộ 955A) | 1 | băng rôn ngang |
| 10 | đường Nguyễn Thị Minh Khai (từ ngã 3 Tân Lộ Kiều Lương - Nguyễn Thị Minh Khai đến ngã 3 Nguyễn Thị Minh Khai - Tránh Quốc lộ 91) | 1 | băng rôn ngang |
| 11 | đường Trần Thị Đước (từ ngã 3 Mai Văn Tạo - Trần Thị Đước đến ngã 3 Trần Thị Đước - Vòng Núi Sam) | 1 | băng rôn ngang |
| PHƯỜNG VĨNH NGUỒN | | 8 | băng rôn ngang |
| 1 | đường Tây Xuyên (từ ngã 3 Tây Xuyên - Phan Xích Long - Tuy Biên đến cuối đường Tây Xuyên) | 2 | băng rôn ngang |
| 2 | đường Phan Xích Long (từ ngã 3 Tây Xuyên - Phan Xích Long - Tuy Biên đến Cầu Vĩnh Nguồn) | 2 | băng rôn ngang |
| 3 | đường Tuy Biên (từ ngã 3 Tây Xuyên - Phan Xích Long - Tuy Biên đến cuối đường Tuy Biên) | 2 | băng rôn ngang |
| 4 | đường Nguyễn Hữu Trí (từ ngã 3 Phan Xích Long - Nguyễn Hữu Trí đến cuối đường Nguyễn Hữu Trí) | 2 | băng rôn ngang |
| III | Trong các công viên | 40 | băng rôn dọc |
| 1 | Công viên A, B, phường Châu Phú A | 20 | băng rôn dọc |
| 2 | Công viên Khóm 8, phường Châu Phú A | 10 | băng rôn dọc |
| 3 | Công viên xã Vĩnh Châu, xã Vĩnh Châu | 10 | băng rôn dọc |
| IV | Trên dây phân cách | 100 | băng rôn dọc |

| | | | |
|--------------------------------|--|------------|---------------------------|
| 1 | đường Tân Lộ Kiều Lương (từ ngã 4 Nguyễn Văn Thoại - Trường Đua- Tân Lộ Kiều Lương - Hoàng Diệu đến ngã 3 Tân Lộ Kiều Lương - Hoàng Đạo Cật) | 80 | băng rôn dọc |
| 2 | đường Trần Hưng Đạo (từ ngã 3 Trần Hưng Đạo - Nguyễn Đình Chiểu đến ngã 3 Trần Hưng Đạo - Trần Quốc Toản) | 10 | băng rôn dọc |
| 3 | đường Trương Nữ Vương (từ ngã 3 Lê Lợi - Trưng Nữ Vương đến ngã 3 Trưng Nữ Vương - Phan Đình Phùng) | 10 | băng rôn dọc |
| ĐƠN VỊ: THỊ XÃ TÂN CHÂU | | | |
| A | KHU VỰC CẮM TREO BĂNG RÔN | | |
| | Trong khu vực giao nhau giữa các đường dẫn cầu Tân An | | |
| B | KHU VỰC ĐƯỢC TREO BĂNG RÔN | | |
| I | Khu vực ngoài đô thị | 375 | Ngang 125, dọc 250 |
| 1 | - Tuyến lộ nông thôn Châu Phong - Long An (từ Châu Phong đến hết địa phận xã Long An) | | Ngang 10, dọc 20 |
| | - Đường tỉnh 951 (đoạn thuộc xã Châu Phong) | | Ngang 10, dọc 20 |
| 2 | Tỉnh lộ 953 đoạn từ xã Châu Phong đến Bệnh viện Tân Châu | | Ngang 20, dọc 40 |
| 3 | Tỉnh lộ 952 đoạn từ xã Tân An đến Cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương. | | Ngang 20, dọc 40 |
| 4 | Chợ xã Lê Chánh (Đường số 4, KDC ấp Vĩnh Thạnh 1 xã Lê Chánh, đoạn từ giáp tỉnh lộ 953 đến cách UBND xã 5 Om) | | Ngang 5, dọc 10 |
| 5 | Tuyến lộ nông thôn xã Phú Vĩnh (Ấp Phú Bình, ấp Phú An B, ấp Phú Hưng) | | Ngang 10, dọc 20 |
| 6 | Tuyến đường dẫn cầu Tân An (bờ Long An đến tiếp giáp ranh huyện Phú Tân) | | Ngang 10, dọc 20 |

| | | | |
|------------|--|------------|---|
| 7 | Tuyến đường dẫn cầu Tân An (từ đầu ngã ba tư đường dẫn đến ngã ba mũi tàu thuộc xã Tân An) | | Ngang 10, dọc 20 |
| 8 | Lộ nông thôn ấp Núi Nổi (từ giáp tỉnh lộ 952 đến lộ nông thôn Kênh 7 xã thuộc ấp Tân Đông, xã Tân Thạnh) | | Ngang 10, dọc 20 |
| 9 | - Tuyến lộ nông thôn Kênh 7 xã đoạn từ điểm phụ trường tiểu học Phú Lộc đến BTS PGHH xã Phú Lộc | | Ngang 5, dọc 20 |
| | - Lộ kênh cùng đoạn từ Chợ Phú Lộc đến ranh giáp xã Vĩnh Xương | | Ngang 5, dọc 20 |
| 10 | 'Lộ nông thôn từ ngã 3 Kênh cùn (Giồng cam) đến ngã tư TDC ấp 1 xã Vĩnh Xương | | Ngang 10, dọc 20 |
| | - Lộ nông thôn TDC ba lò: từ giáp TL952 đến giáp lộ Giồng Cam xã Vĩnh Xương | | |
| II | Đường nội ô | 315 | Ngang 105, dọc 210 |
| 1 | Đường Trần Phú từ phường Long Thạnh đến phường Long Châu | | Ngang 20, dọc 40 |
| 2 | Đường Tôn Đức Thắng từ ranh giáp phường Long Phú đến ngã ba giáp đường Trần Hưng Đạo | | Ngang 20, dọc 40 |
| 3 | Đường Nguyễn Văn Linh từ ngã ba giáp Trần Hưng Đạo đến giáp đường Tôn Đức Thắng | | Ngang 5, dọc 10 |
| 4 | Đường Trần Hưng Đạo từ ngã tư giáp Nguyễn Tri Phương đến giáp đường tỉnh lộ 954 | | Ngang 10, dọc 20 |
| 5 | Đường Lê Văn Duyệt từ ngã ba giáp Trần Hưng Đạo đến ngã ba Long Hưng | | Ngang 10, dọc 20 |
| III | Trong các công viên | | |
| 1 | Công viên phường Long Hưng | | Ngang 5, dọc 10 |
| IV | Trên dãy phân cách | | Địa bàn Thị xã Tân Châu không có đường có dãy phân cách |

| ĐƠN VỊ: HUYỆN AN PHÚ | | | |
|-----------------------------|--|------------|---|
| A | KHU VỰC CẮM TREO BĂNG RÔN | | |
| B | KHU VỰC ĐƯỢC TREO BĂNG RÔN | | |
| I | Khu vực ngoài đô thị: Tất cả các tuyến đường trên địa bàn huyện | 653 | 365 băng ngang 288 băng dọc |
| 1 | Xã Đa Phước | 50 | - 10 băng ngang, dọc 15 - 10 băng ngang, dọc 15 |
| | - Quốc lộ 91C (từ cầu Cồn Tiên đến cổng chào TT. An Phú. - Đường tỉnh 957 (từ cầu Cồn Tiên đến rạch Chà). | | |
| 2 | Xã Phước Hưng | 55 | - 20 băng ngang, dọc 15 - 10 băng ngang, dọc 10 |
| | - Quốc lộ 91C (từ ranh TT An Phú đến ranh xã Quốc Thái) - Đường cùn cát Phước Hưng (từ bến đò chợ mới Phú Hoà đến đình Phước Hưng) | | |
| 4 | Xã Khánh An | 70 | - 20 băng ngang, dọc 15 - 5 băng ngang, dọc 5 - 15 băng ngang, dọc 10 |
| | - Quốc lộ 91C (từ ranh xã Quốc Thái đến ranh thị trấn Long Bình). - Đường vào Trung tâm xã Khánh An (từ Quốc lộ 91C đến UBND xã) - Đường bãi Khánh An (từ ngã ba Cây Dơi đến ranh Quốc Thái) | | |
| 5 | Xã Khánh Bình | 65 | - 25 băng ngang, dọc 15 - 5 băng ngang, dọc 5 - 10 băng ngang, dọc 5 |
| | - Đường tỉnh 957 (từ Cầu C3 đến Cầu Long Bình). - Đường Sa Tô (từ Quốc lộ 91C đến đình Khánh Bình). - Đường Bắc Búng Bình Thiên (từ ngã ba Sa Tô đến đường tỉnh 957) | | |
| 6 | Xã Nhơn Hội | 40 | - 15 băng ngang, dọc 10 - 10 băng ngang, dọc 5 |
| | - Đường tỉnh 957 (từ ranh Phú Hội đến cầu C3). - Đường nội xã Nhơn Hội (từ cổng Mương Tám Xóm đến đường tỉnh 957) | | |
| 7 | Xã Phú Hội | 60 | - 25 băng ngang, dọc 10 - 15 băng ngang, dọc 10 |
| | - Đường tỉnh 957 (từ cầu Phú Hội đến ranh xã Nhơn Hội) - Đường nội xã Phú Hội (từ ngã ba sông Châu Đốc đến cửa khẩu Bắc Đai) | | |
| 8 | Xã Vĩnh Hội Đông | 50 | - 5 băng ngang, dọc 5 - 20 băng ngang, dọc 10 - 5 băng ngang, dọc 5 |
| | - Đường tỉnh 957 (từ ranh thị trấn An Phú đến cầu Phú Hội) | | |

| | | | |
|------------|---|-----------|--|
| | - Đường lên cửa khẩu Vĩnh Hội Đông (từ ranh Tp. Châu Đốc đến cửa khẩu Vĩnh Hội Đông) - Đường nội ô Vĩnh Hội Đông (từ ngã ba bãi rác cũ đến đường tỉnh 957) | | |
| 9 | Xã Phú Hữu | 30 | - 5 băng ngang, dọc 5 - 5 băng ngang, dọc 5 - 5 băng ngang, dọc 5 |
| | - Đường bờ đông liên xã (từ ranh xã Vĩnh Lộc đến cầu rạch Cỏ Lau) - Đường Bắc Cỏ Lau (từ Đường bờ đông liên xã đến cầu Hiệp Lợi) - Đường nội ô xã Phú Hữu (từ Nhà bia ghi danh đến cầu Hiệp Lợi) | | |
| 10 | Xã Vĩnh Lộc | 25 | 10 băng ngang, dọc 15 |
| | - Đường bờ đông liên xã (từ ranh Vĩnh Hậu đến ranh Phú Hữu) | | |
| 11 | Xã Vĩnh Trường | 48 | - 20 băng ngang, dọc 20 - 4 băng ngang, dọc 4 |
| | - Xã Vĩnh Trường (Từ đầu cồn đến cầu Vĩnh Trường) - Đường cắt xã Vĩnh Trường (từ Đường nội ô xã Vĩnh Trường đến UBND xã) | | |
| 12 | Xã Vĩnh Hậu | 33 | - 8 băng ngang, dọc 5 - 10 băng ngang, dọc 10 |
| | - Đường bờ đông liên xã (từ Vàm Sáng đến ranh xã Vĩnh Lộc) - Đường nội ô Vĩnh Hậu (từ ngã ba Đình đến tuyến dân cư ấp Vĩnh Bảo) | | |
| II | Đường nội ô | | |
| 1 | Thị trấn An Phú | 30 | - 5 băng ngang, dọc 5 - 5 băng ngang, dọc 5 - 3 băng ngang, dọc 3 - 2 băng ngang, dọc 2 |
| | - Đường Bạch Đằng (Từ ngã ba Giao thông (Ngân hàng Agibank) đến cầu kênh mới) - Đường Nguyễn Hữu Cảnh - Từ Honda Kim Châu đến Sân bóng đá Nhật Quang. - Đường Thoại Ngọc Hầu - Từ Ngân hàng Nông nghiệp PTNT đến Văn phòng công chứng số 1 - Đường cột dây thép (từ QL 91C đến đường tỉnh 957) | | |
| 2 | Thị trấn Long Bình | 55 | - 10 băng ngang, dọc 5 - 10 băng ngang, dọc 5 - 15 băng ngang, dọc 10 |
| | - Quốc lộ 91C (từ ranh xã Khánh An đến Cầu Đá) - Đường Tỉnh 957 (từ cầu Đá đến cầu Long Bình). - Đường Bình Di (ranh xã Khánh Bình đến ngã ba đường tỉnh 957). | | |
| III | Trong các công viên | | |
| 1 | Công viên thị trấn An Phú – Đường Nguyễn Hữu Cảnh | 4 | 4 dọc |

| | | | |
|-------------------------------|--|-------------|-----------------------------------|
| IV | Trên dây phân cách: Không | | |
| ĐƠN VỊ: HUYỆN CHÂU PHÚ | | | |
| A | KHU VỰC CẮM TREO BĂNG RÔN | 0 | |
| 1 | Để phục vụ dành riêng cho việc truyền truyền nhiệm vụ chính trị | | |
| B | KHU VỰC ĐƯỢC TREO BĂNG RÔN | 1.23 | |
| | | | Đọc 1.000 cái |
| I | Khu vực ngoài đô thị | 860 | Ngang 162 cái; dọc 698 cái |
| | XÃ ĐÀO HỮU CẢNH | 60 | Ngang 14 cái; dọc 46 cái |
| 1 | Đường tỉnh lộ 945 cũ (từ kinh 14 đến điểm giao nhau ĐT 945 cũ và ĐT 945 mới) | 10 | Ngang 02 cái; dọc 08 cái |
| 2 | Đường tỉnh lộ 945 mới (từ kinh 13 đến điểm giao nhau ĐT 945 cũ) | 10 | Ngang 02 cái; dọc 08 cái |
| 3 | Đường Đông Kênh Cốc (từ UBND xã đến kinh 16) | 15 | Ngang 04 cái; dọc 11 cái |
| 4 | Đường Bắc Vịnh Tre (từ cầu kinh 13 đến kinh 14) | 10 | Ngang 02 cái; dọc 08 cái |
| 5 | Đường Tây Kênh 13 (từ Bắc Vịnh Tre đến Bắc kinh 10) | 15 | Ngang 04 cái; dọc 11 cái |
| | TT VĨNH THẠNH TRUNG | 195 | Ngang 35 cái; dọc 160 cái |
| 1 | Tuyến QL 91 hai bên, từ Chợ Châu Phú đến Chợ Vịnh Tre | 40 | Ngang 05 cái; dọc 35 cái |
| 2 | Tuyến tỉnh lộ 945 (cũ) Cách UBND thị trấn 100m đến Cầu kinh 7 | 30 | Ngang 05 cái; dọc 25 cái |
| 3 | Tuyến tỉnh lộ 945 (mới) từ Quốc lộ 91 đến kinh 7 | 25 | Ngang 05 cái; dọc 20 cái |
| 4 | Tuyến đường về trung tâm xã từ Đình thần Vĩnh Thạnh Trung đến trường Mẫu giáo sơn ca. | 20 | Ngang 04 cái; dọc 16 cái |
| 5 | Tuyến lộ nhựa khóm Thạnh Lợi – Khóm Bình An. | 20 | Ngang 04 cái; dọc 16 cái |
| 6 | Tuyến lộ nhựa Đông kinh 1 (từ cầu kinh 1 ấp Thạnh Lợi đến Cống cầu Đúc khóm Vĩnh Hòa). | 20 | Ngang 04 cái; dọc 16 cái |

| | | | |
|---|---|------------|----------------------------------|
| 7 | Tuyến lộ nhựa Đông kinh 2 (từ cầu kinh 2 khóm Thạnh An đến cầu kinh 2 khóm Vĩnh An). | 20 | Ngang 04 cái; dọc 16 cái |
| 8 | Tuyến lộ nhựa Đông kinh 7 (từ Trường Mẫu giáo Sơn Ca đến cầu kinh 7 khóm Vĩnh Bình) | 20 | Ngang 04 cái; dọc 16 cái |
| | THỊ TRẤN CÁI DẦU | 195 | Ngang 29 cái; dọc 166 cái |
| 1 | Khu vực áp Bình Hòa (từ đầu QL 91 cổng TTTM Cái Dầu đến VP áp) | 30 | Ngang 05 cái; dọc 25 cái |
| 2 | Khu vực áp Bình Nghĩa (từ ngã 3 TGDD đến VP áp; từ Ngã 3 chợ tự phát đến Chùa Bửu Hòa Tự) | 30 | Ngang 05 cái; dọc 25 cái |
| 3 | Khu vực áp Vĩnh Phúc (từ đường 31 đến sân bóng đá mini Phương Huỳnh) | 35 | Ngang 05 cái; dọc 30 cái |
| 4 | Khu vực áp Vĩnh Tiến (từ đường Bắc QL 91 đến ngã 4 quán café Tỉnh Giác; từ đoạn ngã 4 Thầy Thị đến giáp ranh quán café Tỉnh Giác) | 45 | Ngang 05 cái; dọc 40 cái |
| 5 | Khu vực áp Vĩnh Thành (từ QL 91 ngã 3 đường Tòa án huyện đến Lò giết mổ tập trung của huyện) | 35 | Ngang 05 cái; dọc 30 cái |
| 6 | Khu vực áp Vĩnh Lộc (từ QL 91 đến Trường Mẫu giáo Mầm non Cái Dầu) | 20 | Ngang 04 cái; dọc 16 cái |
| | XÃ THẠNH MỸ TÂY | 55 | Ngang 13 cái; dọc 42 cái |
| 1 | Đường tỉnh lộ 945 cũ (từ kinh 7 đến kinh 13) | 15 | Ngang 04 cái; dọc 11 cái |
| 2 | Đường tỉnh lộ 945 mới (từ kinh 7 đến kinh 13 song song 2 bên với nhau) | 25 | Ngang 05 cái; dọc 20 cái |
| 3 | Đường Bắc Vịnh tre (từ kinh 8 đến kinh 13) | 15 | Ngang 04 cái; dọc 11 cái |
| | XÃ BÌNH LONG | 60 | Ngang 11 cái; dọc 49 cái |
| 1 | Quốc lộ 91 (từ cầu vòm xáng Cây Dương đến Cầu Phù Dật) | 30 | Ngang 05 cái; dọc 25 cái |
| 2 | Bắc Cây Dương (từ cầu vòm xáng Cây Dương đến kinh 8) | 10 | Ngang 02 cái; dọc 08 cái |

| | | | |
|---|--|-----------|---------------------------------|
| 3 | Nam kênh 10 (từ kinh 1 đến kinh 8) giáp ranh xã Bình Phú | 10 | Ngang 02 cái; dọc 08 cái |
| 4 | Đông kênh 2 (từ Nam kinh 10 đến Bắc Cây Dương) | 5 | Ngang 01 cái; dọc 04 cái |
| 5 | Đông kênh 7 (từ Nam kinh 10 đến Bắc Cây Dương) | 5 | Ngang 01 cái; dọc 04 cái |
| | XÃ BÌNH MỸ | 65 | Ngang 12 cái; dọc 53 cái |
| 1 | Từ Ranh Hạt đến cầu đình Bình Mỹ | 30 | Ngang 05 cái; dọc 25 cái |
| 2 | Từ ngã ba đường tránh QL 91 cũ đến Trường tiểu học A Bình Mỹ điểm chính thuộc ấp Bình Thành. | 10 | Ngang 02 cái; dọc 08 cái |
| 3 | Từ Bến đò Thanh Bình đến Thánh thất Cao Đài Liên xã Bình Long, Bình Mỹ, Bình Thủy. | 10 | Ngang 02 cái; dọc 08 cái |
| 4 | Từ cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Giáo Công đến Cầu 5 Mụ. | 5 | Ngang 01 cái; dọc 04 cái |
| 5 | Từ cầu 5 Mụ đến cầu Ấp Sỏ; từ cầu Ấp Sỏ đến cầu Hào Sương | 10 | Ngang 02 cái; dọc 08 cái |
| | XÃ MỸ PHÚ | 50 | Ngang 09 cái; dọc 41 cái |
| 1 | Từ cầu mương khai Càn Thảo đến giáp ranh UBND xã Ô Long Vĩ | 30 | Ngang 05 cái; dọc 25 cái |
| 2 | Từ Cầu Vịnh Tre đến kinh 7 giáp ranh xã Ô Long Vĩ | 20 | Ngang 04 cái; dọc 16 cái |
| | XÃ BÌNH PHÚ | 60 | Ngang 13 cái; dọc 47 cái |
| 1 | Đường Nam kinh 10 Châu Phú (từ kinh 8 đến Mũi dùi) | 15 | Ngang 04 cái; dọc 11 cái |
| 2 | Đường Bắc Cây Dương (từ kinh 8 đến giáp ranh Châu Thành) | 30 | Ngang 05 cái; dọc 25 cái |
| 3 | Đường Tây kinh 13 (từ ngã tư đến UBND xã Bình Phú) | 15 | Ngang 04 cái; dọc 11 cái |
| | XÃ BÌNH CHÁNH | 60 | Ngang 13 cái; dọc 47 cái |
| 1 | Đường tỉnh lộ 947 (Từ Cổng Chèo Xã Bình Chánh đến kinh 14) | 60 | Ngang 13 cái; dọc 47 cái |
| | XÃ MỸ ĐỨC | 60 | Ngang 13 cái; dọc 47 cái |
| 1 | Từ Cầu Càn Thảo đến cầu kênh Đào | 30 | Ngang 05 cái; dọc 25 cái |
| 2 | Từ Bắc Càn Thảo đến kinh 3 ấp Mỹ Thành | 15 | Ngang 04 cái; dọc 11 cái |

| | | | |
|-----------|--|------------|----------------------------------|
| 3 | Từ Nam kinh Đào đến kinh 3 ấp Mỹ Hòa | 15 | Ngang 04 cái; dọc 11 cái |
| II | Đường nội ô | 325 | Ngang 61 cái; dọc 264 cái |
| | XÃ ĐÀO HỮU CẢNH | 10 | Ngang 02 cái; dọc 08 cái |
| 1 | Đường vào Khu Dân cư đến Trung tâm xã | 5 | Ngang 01 cái; dọc 04 cái |
| 2 | Đường vào Chợ Hưng Thới đến ấp Hưng Lợi | 5 | Ngang 01 cái; dọc 04 cái |
| | XÃ Ô LONG VĨ | 70 | Ngang 13 cái; dọc 57 cái |
| 1 | Đường Đông kênh 7 (Từ cổng chào NTM đến khu dân cư ấp Long Bình) | 30 | Ngang 05 cái; dọc 25 cái |
| 2 | Đường Nam Cần Thảo (Từ cầu Hào Đê đến kinh ranh) | 20 | Ngang 04 cái; dọc 16 cái |
| 3 | Đường Nam kênh Đào (Từ cầu Hào Đê đến kinh ranh) 02 đoàn đường song song với nhau. | 20 | Ngang 04 cái; dọc 16 cái |
| | TT VĨNH THẠNH TRUNG | 35 | Ngang 08 cái; dọc 27 cái |
| 1 | Các tuyến đường khu vực chợ Châu Phú, khu dân cư khóm Vĩnh Hưng. | 15 | Ngang 04 cái; dọc 11 cái |
| 2 | Các tuyến đường khu vực chợ Vịnh Tre, khu dân cư Vịnh Tre | 10 | Ngang 02 cái; dọc 08 cái |
| 3 | Các tuyến đường khu vực chợ kinh 7, khu dân cư kinh 7. | 10 | Ngang 02 cái; dọc 08 cái |
| | TT CÁI DẦU | 25 | Ngang 05 cái; dọc 20 cái |
| 1 | Đường số 30 (từ đường số 4 đến nhà ông Nguyễn Văn Thái) | 5 | Ngang 01 cái; dọc 04 cái |
| 2 | Đường Trần Hưng Đạo (từ điểm cuối đường số 5 đến khu đất công) | 5 | Ngang 01 cái; dọc 04 cái |
| 3 | Đường số 10 (từ Đường số 7 đến tuyến đường cũ Trần Hưng Đạo ấp Vĩnh Phúc) | 5 | Ngang 01 cái; dọc 04 cái |
| 4 | Lý Nhân Tông (từ QL 91 Cổng thế kỷ đến đường Yết kiêu) | 5 | Ngang 01 cái; dọc 04 cái |
| 5 | Đường Số 4 (từ tim đường số 10 đến tim đường số 13 ấp Vĩnh Phúc) | 5 | Ngang 01 cái; dọc 04 cái |

| | | | |
|---|--|-----------|---------------------------------|
| | XÃ THẠNH MỸ TÂY | 10 | Ngang 02 cái; dọc 08 cái |
| 1 | Đường vào Khu Dân cư (từ Cầu vượt chợ Long Châu tỉnh lộ 945 cũ nối liền 945 mới) | 5 | Ngang 01 cái; dọc 04 cái |
| 2 | Đường vào Chợ Long Châu (từ tỉnh lộ 945 cũ đến nhà lồng chợ Long Châu) | 5 | Ngang 01 cái; dọc 04 cái |
| | XÃ BÌNH THỦY | 60 | Ngang 10 cái; dọc 50 cái |
| 1 | Từ trung tâm xã đến cuối ấp Bình Thới | 30 | Ngang 05 cái; dọc 25 cái |
| 2 | Từ công viên đầu ấp Bình Hòa đến cuối ấp Bình Phú | 30 | Ngang 05 cái; dọc 25 cái |
| | XÃ BÌNH LONG | 10 | Ngang 02 cái; dọc 08 cái |
| 1 | Đường vào khu dân cư ấp Bình Châu (từ đầu đường kinh 7 trên đi vào khu dân cư) | 5 | Ngang 01 cái; dọc 04 cái |
| 2 | Đường vào khu dân cư ấp Bình Thắng (từ đầu đường kinh 7 dưới đi vào khu dân cư) | 5 | Ngang 01 cái; dọc 04 cái |
| | XÃ BÌNH MỸ | 5 | Ngang 01 cái; dọc 04 cái |
| 1 | Từ ngã ba đường tránh đến Vật tư nông nghiệp Giáo Công | 5 | Ngang 01 cái; dọc 04 cái |
| | XÃ KHÁNH HÒA | 60 | Ngang 10 cái; dọc 50 cái |
| 1 | Tuyến đường vòng Bắc Cây sung: Trụ sở UBND xã; Điểm sinh hoạt Văn hóa các ấp: Khánh Phát, Khánh Bình, Khánh Mỹ, Khánh An và các điểm trường học: Tiểu học A Khánh Hòa, Tiểu học Mầm Non Khánh Hòa, THCS Khánh Hòa; Thánh thất Cao Đài, Thánh Đường Hội Giáo. | 30 | Ngang 05 cái; dọc 25 cái |
| 2 | Tuyến đường vòng Nam Cây sung: Tại điểm sinh hoạt Văn hóa các ấp: Khánh Thuận, Khánh Châu, Khánh Lợi, Khánh Hòa, Khánh Đức và các điểm trường học: Tiểu học B Khánh Hòa, Mẫu giáo Khánh Hòa; Đình Thần Khánh Hòa, Chùa Châu Khánh; Chùa Long Khánh. | 30 | Ngang 05 cái; dọc 25 cái |
| | XÃ MỸ PHÚ | 20 | Ngang 04 cái; dọc 16 cái |
| 1 | Từ đường Thành cả lân đến chợ ba tiệm | 10 | Ngang 02 cái; dọc 08 cái |
| 2 | Từ kênh 3 ấp Mỹ An đến kênh 3 ấp Mỹ Quý | 5 | Ngang 01 cái; dọc 04 cái |

| | | | |
|------------|---|-----------|---------------------------------|
| 3 | Từ kênh 7 Hào Đề lớn ấp Mỹ Phước đến Giáp ranh xã Ô Long Vĩ | 5 | Ngang 01 cái; dọc 04 cái |
| | XÃ BÌNH PHÚ | 10 | Ngang 02 cái; dọc 08 cái |
| 1 | Đường vào khu dân cư ấp Bình Đức đến ấp Bình An | 10 | Ngang 02 cái; dọc 08 cái |
| | XÃ BÌNH CHÁNH | 10 | Ngang 02 cái; dọc 08 cái |
| 1 | Khu dân cư Trung tâm xã (từ cầu kinh 7 đến trạm y tế xã) | 5 | Ngang 01 cái; dọc 04 cái |
| 2 | Khu Văn hóa (cụm khu dân cư vượt lũ) | 5 | Ngang 01 cái; dọc 04 cái |
| III | Trong các công viên | 45 | Ngang 07 cái; dọc 38 cái |
| | THỊ TRẤN CÁI DẦU | 10 | Băng rôn dọc 10 cái |
| 1 | Công viên Hai Bà Trưng (trước Công an huyện) | 2 | Băng rôn dọc 02 cái |
| 2 | Công viên Võ Thị Sáu (khu dân cư ấp Bình Hòa)Joa2)Hòa() | 2 | Băng rôn dọc 02 cái |
| 3 | Công viên Huyền Trân Công chúa (khu dân cư ấp Bình Hòa) | 2 | Băng rôn dọc 02 cái |
| 4 | Hai Công viên Khu Đông Bắc (khu dân cư Đông Bắc QL 91) | 4 | Băng rôn dọc 04 cái |
| | XÃ KHÁNH HÒA | 10 | Ngang 02 cái; dọc 08 cái |
| 1 | Khuôn viên xung quanh nhà văn hóa xã; Công an xã; trạm y tế xã. | 5 | Ngang 01 cái; dọc 04 cái |
| 2 | Khuôn viên trụ sở UBND xã | 5 | Ngang 01 cái; dọc 04 cái |
| | XÃ THẠNH MỸ TÂY | 5 | Ngang 01 cái; dọc 04 cái |
| 1 | Đường vào đền thờ (tỉnh lộ 945 cũ đến khuôn viên di tích đền thờ) | 5 | Ngang 01 cái; dọc 04 cái |
| | XÃ BÌNH THỦY | 10 | Ngang 02 cái; dọc 08 cái |
| 1 | Trong khuôn viên (đầu ấp Bình Hòa) | 5 | Ngang 01 cái; dọc 04 cái |
| 2 | Trong khuôn viên (sân trung tâm chợ Bình Thủy) | 5 | Ngang 01 cái; dọc 04 cái |
| | XÃ MỸ ĐỨC | 10 | Ngang 02 cái; dọc 08 cái |

| | | | |
|---------------------------------|---|----|--------------------------|
| 1 | Trong khuôn viên khu dân cư (từ trước UBND xã đến đầu chợ Mỹ Đức) | 10 | Ngang 02 cái; dọc 08 cái |
| ĐƠN VỊ: HUYỆN CHÂU THÀNH | | | |
| A | KHU VỰC CẤM TREO BĂNG RÔN | | |
| 1 | Không được treo trên các cầu, không được tre khuất các trụ đèn giao thông | | |
| B | KHU VỰC ĐƯỢC TREO BĂNG RÔN | | |
| I | Khu vực ngoài đô thị | | |
| | Tất cả các tuyến đường (Không được treo gần các cầu và các đoạn cua 50 mét) | | |
| | Băng rôn ngang | | |
| 1 | Xã An Hòa: | | |
| | Từ cầu Mặc Cần Dung đến ấp An Phú (suốt tuyến) | 5 | |
| | Từ Cầu chợ Hòa phú đến nhà ông Nguyễn Chí Thiên Công tổ 22 ấp An Phú xã An Hòa (suốt tuyến) | 5 | |
| | Từ Cầu Kênh Quýt đến văn phòng ấp Bình An 1 (suốt tuyến) | 5 | |
| 2 | Xã Bình Hòa: | | |
| | Từ Mặc Cần Dung đến ấp Phú An I, (suốt tuyến) | 5 | |
| | Từ Bến đò Nhà Thúy đến Cầu Mương Út Xuân (tuyến bờ sông Hậu) (suốt tuyến) | 5 | |
| | Từ ngã ba lộ Tuyến Tỉnh lộ 941 (suốt tuyến) | 5 | |
| 3 | Xã Bình Thạnh: | | |
| | Từ Văn phòng ấp Thạnh Hưng đến bến đò cây Gòn; (suốt tuyến) | 5 | |
| | Từ Văn phòng ấp Thạnh Nhơn đến cầu Khai Long; (suốt tuyến) | 5 | |

| | | | |
|---|--|---|--|
| | Từ Văn phòng ấp Thạnh Hòa đến Ủy Ban nhân dân xã Bình Thạnh (suốt tuyến) | 5 | |
| 4 | Xã Cần Đăng: | | |
| | Từ Chùa Press Tung đến khu dân cư Mương Miếu ấp Cần Thuận. (suốt tuyến) | 5 | |
| | Từ cầu Bón Tổng đến cầu Đình; (suốt tuyến) | 5 | |
| | Từ Khu dân cư ấp Cần Thạnh đến Kênh Ba Xã. (suốt tuyến) | 5 | |
| 5 | Xã Vĩnh Hanh: | | |
| | Từ khu dân cư Mương Miếu ấp Cần Thuận xã Cần Đăng đến cầu Kênh Đào; (suốt tuyến) | 5 | |
| | Từ Cầu Mương Miếu đến cầu Đúc phía lộ nhựa. (suốt tuyến) | 5 | |
| | Từ cầu Kênh Đào đến cầu Sắt xã Vĩnh Nhuận. (suốt tuyến) | 5 | |
| 6 | Xã Vĩnh An: | | |
| | Từ cầu Số 5 đến chợ Số 10. (suốt tuyến) | 5 | |
| | Từ Cầu 16 đến Dinh Sơn Trung; (suốt tuyến) | 5 | |
| | Từ cầu Số 5 đến Kênh Ranh Làng (suốt tuyến) | 5 | |
| 7 | Xã Tân Phú: | | |
| | Từ cầu Kênh làng đến cầu Bửu Liêm (suốt tuyến) | 5 | |
| | Từ Trung tâm chợ Tân Phú đến giáp đập kênh phèn xã Vĩnh Nhuận (suốt tuyến) | 5 | |
| | Từ Kênh phèn (ranh xã Vĩnh Nhuận) đến Cầu đúc. (suốt tuyến) | 5 | |
| 8 | Xã Vĩnh Nhuận | | |
| | Từ Trường THCS xã Vĩnh Nhuận đến đập Kênh phèn ranh xã Tân Phú; (suốt tuyến) | 5 | |

| | | | |
|----|---|---|--|
| | Từ UBND xã Vĩnh Nhuận cầu sắt ranh làng Vĩnh Hạnh; (suốt tuyến) | 5 | |
| | Từ quán cà phê Tư Lữ đến cầu Chung xây (suốt tuyến) | 5 | |
| 9 | Xã Vĩnh Thành: | | |
| | Từ Cổng chào xã nông thôn mới (ranh xã Hòa Bình Thạnh) đến Cổng chào xã nông thôn mới (ranh xã Mỹ Khánh, TPLX) (suốt tuyến) | 5 | |
| | Từ cầu Tân thành 2 đến cầu Chung xây (ranh xã Vĩnh nhuận; (suốt tuyến) | 5 | |
| | Từ cầu Tân Thành 2 đến Cổng chào xã Nông thôn mới (ranh xã Vĩnh lợi) (suốt tuyến) | 5 | |
| 10 | Xã Vĩnh Lợi: | | |
| | Từ Cổng chào (ranh xã Hòa Bình Thạnh) đến ngã tư Cầu Đầu Lộ. (suốt tuyến) | 5 | |
| | Từ Cầu Ba Xã đến Cầu Mương Đình (ranh xã Vĩnh Nhuận) (suốt tuyến) | 5 | |
| | Từ Cầu Ngã Cái (Đoan ranh xã Càn Đăng) đến cổng chào (ranh xã Vĩnh Thành) (suốt tuyến) | 5 | |
| 11 | Xã Hòa Bình Thạnh | | |
| | Từ chợ Vàm kính đến cổng chào (ranh xã Vĩnh Thành) (suốt tuyến) | 5 | |
| | Từ cầu chùa đến UBND xã Hòa Bình Thạnh; (suốt tuyến) | 5 | |
| | Từ cây xăng Tư Nam đến cổng chào (ranh xã Vĩnh Lợi) (suốt tuyến) | 5 | |
| | Bảng rôn dọc. | | |
| 1 | Xã An Hòa: | | |

| | | | |
|---|---|-----|--|
| | Từ cầu Mạc Càn Dung đến Cầu Kênh Quýt (đoạn ranh xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú) (suốt tuyến) | 100 | |
| 2 | Xã Bình Hòa: | | |
| | Từ cầu Muong Út Xuân đến phía trước UBND xã Bình Hòa (tuyến QL 91) (suốt tuyến) | 50 | |
| | Từ ngã ba lộ Tê Tri tôn đến chùa Kỳ Duyên (Tuyến Tỉnh lộ 941) (suốt tuyến) | 50 | |
| 3 | Xã Bình Thạnh; | | |
| | Từ Văn phòng ấp Thạnh Hòa đến Ủy Ban nhân dân xã Bình Thạnh (suốt tuyến) | 50 | |
| | Từ Văn phòng ấp Thạnh Hưng đến bến đò cây Gòn; (suốt tuyến) | 50 | |
| 4 | Xã Cần Đăng: | | |
| | Từ Chùa Press Tung đến khu dân cư Muong Miếu ấp Cần Thuận (suốt tuyến) | 100 | |
| 5 | Xã Vĩnh Hanh: Tuyến từ khu dân cư Muong Miếu đến Cầu Kênh đào (suốt tuyến) | 100 | |
| 6 | Xã Vĩnh An: Tuyến từ cầu Số 5 đến chợ Số 10 (đường tỉnh lộ 941 suốt tuyến) | 100 | |
| 7 | Xã Tân Phú: Tuyến từ khu dân cư Tân Phú đến Trạm y tế xã Tân Phú | 100 | |
| 8 | Xã Vĩnh Nhuận: | | |
| | Từ trường TH A Vĩnh Nhuận đến quán cà phê Tư Lữ (suốt tuyến) | 40 | |
| | Từ quán cà phê Tư Lữ đến cầu Chung Xây. (suốt tuyến) | 60 | |
| 9 | Xã Vĩnh Thành: | | |
| | Từ Cổng chào xã nông thôn mới (ranh xã Hòa Bình Thạnh) đến Cổng chào xã nông thôn mới (ranh xã Mỹ Khánh, TPLX) (suốt tuyến) | 50 | |

| | | | |
|-----------|--|-----|--|
| | Từ cầu Tân thành 2 đến cầu Chung xây (ranh xã Vĩnh nhuận; (suốt tuyến) | 30 | |
| | Từ cầu Tân Thành 2 đến Cổng chào xã Nông thôn mới (ranh xã Vĩnh lợi) (suốt tuyến) | 20 | |
| 10 | Xã Vĩnh Lợi: từ trung tâm chợ Vĩnh Lợi đến cổng giáp ranh xã Vĩnh Thành (suốt tuyến) | 100 | |
| 11 | Xã Hòa Bình Thạnh: | | |
| | Từ cầu chùa đến UBND xã Hòa Bình Thạnh; (suốt tuyến) | 50 | |
| | Từ chợ Vàm kính đến cổng chào (ranh xã Vĩnh Thành) (suốt tuyến) | 50 | |
| II | Đường nội ô | | |
| | Băng rôn ngang | | |
| 1 | Thị trấn An Châu: | | |
| | Đường Lê Lợi, (từ Cty CP tập đoàn Lộc Trời đến phà Mương Ranh) (suốt tuyến) | 30 | |
| | Đường Võ Văn Kiệt (từ đoạn tiếp giáp đường Lê Lợi đến phía trước của khu Trung tâm văn hóa, thể thao) (suốt tuyến) | 20 | |
| 2 | Thị trấn Vĩnh Bình: | | |
| | Từ Trung tâm Công nghệ Sinh học đến Cầu số 5 (Tỉnh lộ 941) (suốt tuyến) | 30 | |
| | Từ cầu số 5 (TL 947) đến cầu Bửu Liêm (suốt tuyến) | 20 | |
| | Băng rôn dọc | | |
| 1 | Thị trấn An Châu: | | |
| | Đường Lê Lợi, (từ cầu Xếp Bà Lý đến Cầu Mương Út xuân); (suốt tuyến) | 150 | |
| | Đường Võ Văn Kiệt (suốt tuyến) | 100 | |
| | Đường Nguyễn Trãi (suốt tuyến) | 30 | |

| | | | |
|------------------------------|---|-------------------|--|
| | Đường Nguyễn Văn Cừ (suốt tuyến) | 20 | |
| 2 | Thị trấn Vĩnh Bình: | | |
| | Từ Trung tâm Công nghệ Sinh học đến Cầu số 5 (Tỉnh lộ 941) (suốt tuyến) | 200 | |
| | Từ cầu số 5 (TL 947) đến cầu Bửu Liêm (suốt tuyến) | 100 | |
| III | Trong các công viên | | |
| 1 | - Công Viên ngã ba lộ tế xã Bình Hòa | 50 | |
| | - Công viên An Hòa, | 50 | |
| | - Công viên Vĩnh Hạnh, | 50 | |
| | - Công Viên Vĩnh Bình, | 50 | |
| | - Công viên Vĩnh Nhuận | 50 | |
| | - Công viên Văn hóa thị trấn An Châu | 50 | |
| ĐƠN VỊ: HUYỆN CHỢ MỚI | | | |
| A | KHU VỰC CẮM TREO BĂNG RÔN (không) | | |
| B | KHU VỰC ĐƯỢC TREO BĂNG RÔN | | |
| I | Khu vực ngoài đô thị | | |
| 1 | Xã Bình Phước Xuân | | |
| | - Từ UBND xã đến Cầu Bà quay (giáp ranh xã Tấn Mỹ) . | 150 dọc, 50 ngang | |
| | - Từ UBND xã đến giáp ranh xã Mỹ Hiệp | 150 dọc, 50 ngang | |
| 2 | Xã Mỹ Hiệp | | |
| | Cổng chào Mỹ Hiệp – Tấn Mỹ | 02 dọc | |
| | Cổng chào Mỹ Hiệp – Tấn Mỹ (Tấn Hưng, Tấn Mỹ) | 02 dọc | |
| | Cổng chào Mỹ Hiệp – Bình Phước Xuân | 02 dọc | |
| 3 | Xã An Thạnh Trung | | |
| | Khu vực từ Cầu Chung Đùn đến ranh xã Hòa Bình | 100 dọc, 50 ngang | |

| | | | |
|----------|---|------------------|--|
| | Đoạn đường liên ấp từ cầu Cái Nai đến cầu Rạch Chanh | 20 dọc, 10 ngang | |
| | Đoạn đường liên ấp Kênh Xáng Long An (Từ Miếu Thần nông đến cầu chung Đùn) | 20 dọc, 10 ngang | |
| | Đoạn đường liên ấp Kênh Xáng A-B. Từ cầu (Trường THCS An Thạnh Trung đến cầu kinh xáng giáp ranh xã Long Kiến). | 50 dọc, 50 ngang | |
| 4 | Xã Long Điền A | | |
| | Khu vực ấp Long Hòa 2 (VP ấp, Chùa, Bến đò Lộ Mới, 2 đường ngang) | 10 dọc, 10 ngang | |
| | Khu vực Long Hòa I (VP ấp, BTSPGHH, Trường học, bến đò Doi Lửa, 2 đường ngang) | 10 dọc | |
| | Khu vực Long Bình (VP ấp, bến xe, Miếu Hội, đường 10 Tái, nghĩa trang, xã đội, trường học) | 10 dọc, 10 ngang | |
| | Khu vực Long Định (Vp ấp, Chợ Thủ, UBND xã, CA xã, Trạm y tế, Đình, Bến đò Chợ Thủ, huyện đội) | 10 dọc, 10 ngang | |
| | Khu vực Long Thuận 2 (VP ấp, nhà thờ, chợ Quán Bền, chùa Phước Điền, 02 ngang đường) | 10 dọc, 10 ngang | |
| | Khu vực Long Thuận 1 (VP ấp, Cột Dây Thép, Trường Phù Đổng, bến đò Cột Dây Thép) | 10 dọc, 10 ngang | |
| 5 | Xã Mỹ An | | |
| | - Từ UBND xã đến giáp ranh xã An Thạnh Trung (tỉnh lộ 944) | 40 dọc, 40 ngang | |
| | - Từ Ngã 3 kinh Cưu Hội đến cầu Chùa (tỉnh lộ 942) | 60 dọc 60 ngang | |

| | | | |
|-----------|---|--------------------|--|
| 6 | Xã Kiến An | | |
| | - Từ cầu ông Chưởng đến cầu Thuận Giang | 50 dọc 20 ngang | |
| | - Từ cầu Thuận Giang đến Cầu ngã 4 Kiến Bình 1 | 50 dọc 30 ngang | |
| | - Từ cầu Ngã 4 Kiến Bình 1 đến giáp ranh xã Mỹ Hội Đông | 20 dọc 20 ngang | |
| | - Từ cầu ngã 4 Kiến Bình 1 đến Cầu Bảy Đực | 50 dọc, 50 ngang | |
| | - Khu dân cư Kiến Bình 1 | 30 dọc, 30 ngang | |
| 7 | Xã Hòa An | | |
| | Khu vực Cầu Trường Tiền đến bệ đò Hòa An | 50 dọc, 50 ngang | |
| | Đoạn cầu Cái Sơn đến ranh xã Hội An | 100 dọc, 100 ngang | |
| 8 | Xã Long Kiến | | |
| | Từ cầu Bà Vệ đến cầu Chung Đùn (tỉnh lộ 946) | 200 dọc, 150 ngang | |
| 9 | Xã Long Giang | | |
| | Đường liên xã DH17 (Đoạn giáp ranh xã Kiến Thành đến giáp ranh Nhơn Mỹ) | 50 dọc, 50 ngang | |
| | Các đường liên ấp kênh mương ấp, mương chùa, rạch xoài, Cà Mau lớn, Cà Mau nhỏ, Cái đầu | 100 dọc, 50 ngang | |
| 10 | Xã Mỹ Hội Đông | | |
| | - Từ cổng chào giáp ranh Kiến An đến Cua 2 Con Nai (giáp xã Nhơn Mỹ) | 100 dọc, 100 ngang | |

| | | | |
|-----------|--|-------------------|--|
| | - Công viên trước UBND xã | 04 ngang | |
| 11 | Xã Kiến Thành | | |
| | Đường liên xã DH17 (Đoạn giáp ranh xã Kiến An đến giáp ranh xã Long Giang) | 100 dọc.50 ngang | |
| | Đường liên xã DH18 (Đoạn từ Chợ Cái Xoài đến giáp ranh xã Nhơn Mỹ) | 50 dọc,20 ngang | |
| | Các đường liên ấp Kênh Cà Mau, Mương Lớn, Lung giang, Ấp Sứ | 100 ngang | |
| 12 | Xã Hòa Bình | | |
| | - Từ Cầu Tầm Pha đến Bến phà An Hòa | 50 dọc, 50 ngang | |
| | - Từ Bến Phà An Hòa đến giáp ranh xã Hòa An (tỉnh lộ 946) | 50 dọc, 50 ngang | |
| | - Từ Bến phà An Hòa đến giáp ranh xã An Thạnh Trung | 100 dọc | |
| 13 | Xã Tấn Mỹ | | |
| | - Từ Cầu Bà Quay đến Chùa Thành Hoa (Chùa Đạo Nằm) | 100 dọc, 50 ngang | |
| | - Từ Chùa Thành Hoa đến giáp ranh xã Mỹ Hiệp | 50 dọc, 30 ngang | |
| | - Từ Ngã 3 Bưu Điện đến Cầu Gãy (giáp ranh xã Mỹ Hiệp) | 50 dọc 20 ngang | |
| 14 | Xã Nhơn Mỹ | | |
| | - Từ Cầu Chợ Nhơn Mỹ đến giáp ranh xã Long Giang | 100 dọc, 50 ngang | |
| | - Từ Xã Đội Nhơn Mỹ đến giáp ranh xã Kiến Thành | 80 dọc , 40 ngang | |

| | | | |
|-----------|--|-------------------|--|
| | - Từ Xã Đội Nhơn Mỹ đến cua 2 Con Nai (giáp ranh xã Mỹ Hội Đông) | 20 dọc 10 ngang | |
| 15 | Xã Hội An | | |
| | - Từ Cầu Cái tàu Thương đến cầu Kinh Cru Hội | 100 dọc 50 ngang | |
| | - Từ Chợ cũ Cái tàu Thương đến giáp ranh xã Hòa An | 100 dọc, 50 ngang | |
| 16 | Xã Long Điền B | | |
| 1 | - Từ Cổng chào ranh xã (ấp Long Phú 2) đến Chợ Bà Vệ (ấp Long Tân) | 150 dọc 80 ngang | |
| | - Từ Văn phòng ấp Long Tân đến cầu Kênh Xáng (giáp ranh thị trấn Mỹ Luông) | 50 dọc, 20 ngang | |
| 17 | Thị trấn Chợ Mới | | |
| | Đường tỉnh lộ 942 (Đường dẫn cầu Ông Chương). Từ Bến xe Chợ Mới đến dốc cầu Ông Chương | 100 dọc | |
| | Đường tỉnh lộ 942. Từ Bến xe Chợ Mới đến Công viên thị trấn Chợ Mới | 50 dọc, 10 ngang | |
| II | Đường nội ô | | |
| 1 | Thị trấn Chợ Mới | | |
| | Đường Trần Hưng Đạo | 20 dọc | |
| | Đường Lê Lợi | 20 dọc | |
| | Đường Nguyễn Huệ | 10 dọc | |
| | Đường Nguyễn Hữu Cảnh | 30 dọc | |
| | Đường Nguyễn Văn Hưởng | 10 dọc | |
| 2 | Thị trấn Mỹ Luông | | |
| | Đường Nguyễn Văn Hưởng | 10 dọc | |
| | Đường Nguyễn Quang Sáng | 10 dọc | |
| | Đường Ung Văn Khiêm | 10 dọc | |
| | Đường Nguyễn Thanh Sơn | 10 dọc | |

| | | | |
|------------------------------|---|--------------------|--|
| | Đường Lương Văn Cù | 10 dọc | |
| | Đường Võ Ánh Đăng | 10 dọc | |
| III | Trong công viên | | |
| | Trong khuôn viên Công viên thị trấn | 10 dọc | |
| IV | Dãy phân cách | | |
| 1 | Thị trấn Chợ Mới | | |
| | Đường Nguyễn Hữu Cảnh | 50 dọc | |
| | Đường dẫn cầu Ông Chường. Từ bến xe Chợ Mới đến dốc cầu Ông Chường | 100 dọc | |
| 2 | Thị trấn Mỹ Luông | | |
| | Đường Tỉnh lộ 942. Từ Cầu Chùa đến cầu Tân Mỹ - Mỹ Luông | 100 dọc, 10 ngang | |
| | Đường Châu Văn Liêm | 50 dọc | |
| | Đường Hương lộ 1. Từ Trung tâm thương mại Mỹ Luông đến giáp ranh xã Long Điền B | 100 dọc, 100 ngang | |
| ĐƠN VỊ: HUYỆN PHÚ TÂN | | | |
| A | KHU VỰC CẮM TREO BĂNG RÔN | | |
| B | KHU VỰC ĐƯỢC TREO BĂNG RÔN | | |
| I | Khu vực ngoài đô thị: Tất cả các tuyến đường trên địa bàn huyện | | |
| 1 | Xã Long Hoà | 50 dọc | |
| | Tỉnh lộ 954 - từ ranh Phường Long Sơn (TX Tân Châu) đến hết ranh giáp xã Phú Lâm. | 3 ngang | |
| 2 | Xã Phú Lâm | 50 dọc | |

| | | | |
|--------------------------------|--|----------|--|
| | Tỉnh lộ 954 - từ ranh xã Long Hòa đến hết ranh giáp xã Phú Thạnh. | | |
| 3 | Xã Phú Thạnh | 50 dọc | |
| | Tỉnh lộ 954 - từ ranh xã Phú Lâm đến hết ranh giáp thị trấn Chợ Vàm. | | |
| 4 | Thị trấn Chợ Vàm | 100 dọc | |
| | Tỉnh lộ 954 - từ ranh xã Phú Thạnh đến hết ranh giáp xã Phú An. | 10 ngang | |
| 5 | Xã Phú An | 50 dọc | |
| | Tỉnh lộ 954 - từ ranh thị trấn Chợ Vàm đến hết ranh giáp xã Phú Thọ. | 3 ngang | |
| 6 | Xã Phú Thọ. | | |
| | - Tỉnh lộ 954 - từ ranh xã Phú An đến hết ranh giáp thị trấn Phú Mỹ. | 50 dọc | |
| | - Tuyến dân cư Phú Mỹ - Phú Thọ từ ranh Phú Mỹ đến trụ sở UBND xã. | 8 ngang | |
| 7 | Thị trấn Phú Mỹ. | | |
| | - Toàn tuyến đường Tôn Đức Thắng | | |
| | - Toàn tuyến đường Nguyễn Trung Trực | 150 dọc | |
| | - Toàn tuyến đường Chu Văn An | 23 ngang | |
| | - Toàn tuyến đường Lê Duẩn | | |
| | - Toàn tuyến đường Trần Văn Thành | | |
| - Toàn tuyến đường Trương Định | | | |
| 8 | Xã Tân Hoà | 50 dọc | |
| | Tỉnh lộ 954 - từ ranh thị trấn Phú Mỹ đến cầu Cái Đầm giáp xã Bình Thạnh Đông. | 30 ngang | |
| 9 | Xã Tân Trung | | |
| | - Tỉnh lộ 942 – ngã tư Bru điện xuống bèn Phà Thuận Giang. | 50 dọc | |

| | | | |
|----|--|----------|--|
| | - Tỉnh lộ 954 giáp xã Tân Hòa toàn tuyến. | | |
| 10 | Bình Thạnh Đông | 100 dọc | |
| | Tỉnh lộ 951- Từ phà Năng Gù đến giáp ranh xã Phú Bình. | 26 ngang | |
| 11 | Xã Phú Bình | 100 dọc | |
| | - Tỉnh lộ 951- Từ ranh xã Bình Thạnh Đông đến hết ranh giáp xã Hòa Lạc. | 26 ngang | |
| | - Toàn tuyến đường Liên xã (làng nghề bó chổi) | | |
| 12 | Xã Hiệp Xương | | |
| | - Huyện lộ - Từ ranh xã Phú Hưng đến cầu đình UBND xã. | 50 dọc | |
| | - Huyện lộ - Từ ranh UBND xã đến trường Tiểu học Hiệp Xương (điểm phụ) | | |
| 13 | Xã Phú Hưng | | |
| | - Huyện lộ - Từ ranh thị trấn Phú Mỹ đến cầu đình Phú Hưng | 100 dọc | |
| | - Huyện lộ - Từ cầu Đình xã Phú Hưng đến hết ranh giáp xã Tân Hòa. | | |
| 14 | Xã Hòa Lạc | | |
| | - Tỉnh lộ 951- Từ ranh xã Bình Thạnh Đông đến hết ranh giáp xã Hòa Lạc. | 100 dọc | |
| | - Huyện Lộ - Từ ranh tỉnh lộ 951 đến giáp ranh xã Phú Thành | 3 ngang | |
| 15 | Xã Phú Hiệp | 50 dọc | |
| | Tỉnh lộ 951- Từ ranh xã Hòa Lạc đến hết ranh xã giáp xã Châu Phong (TX Tân Châu) | 5 ngang | |
| 16 | Xã Phú Long | 50 dọc | |
| | Huyện lộ (kênh Thần Nông) - Giáp ranh xã Phú Vĩnh đến hết ranh giáp xã Phú Thành | 14 ngang | |

| | | | |
|--------------------------------|---|---------|-------------------------------------|
| 17 | Xã Phú Thành | | |
| | Huyện lộ (kênh Thần Nông) – Từ ranh xã Phú Long đến hết ranh giáp xã Phú Xuân | 50 dọc | |
| 18 | Xã Phú Xuân | | |
| | Huyện lộ (kênh Thần Nông) - Giáp ranh xã Phú Thành đến hết ranh giáp xã Phú Hưng. | 50 dọc | |
| III | Trong các công viên: | | |
| | - Công viên Trung tâm thương mại Phú Mỹ | 9 ngang | |
| | - Công viên thị trấn Phú Mỹ | 30 dọc | |
| | - Công viên Phú Mỹ | | |
| IV | Trên dãy phân cách: không | | |
| ĐƠN VỊ: HUYỆN THOẠI SƠN | | | |
| A | KHU VỰC CẮM TREO BĂNG RÔN | | |
| | Không có | | |
| B | KHU VỰC ĐƯỢC TREO BĂNG RÔN | | |
| 1 | Xã Vĩnh Chánh | 230 | băng rol ngang 30; băng rôn dọc 200 |
| | + Tuyến Mặc Cần Dện lớn từ Giáp ranh TT Phú Hòa đến giáp ranh xã Vĩnh Khánh | 55 | 50 phước dọc; 5 băng rol ngang |
| | + Tuyến kênh Đồn Đông từ giáp ranh Phú Thuận đến giáp ranh xã Vĩnh Khánh | 60 | 50 phước dọc; 10 băng rol ngang |
| | + Tuyến kênh Thanh niên từ cầu Tám Huệ đến cầu Thu Cúc | 60 | 50 phước dọc; 10 băng rol ngang |
| | + Tuyến Mặc Cần Dện nhỏ từ Đình Vĩnh Chánh đến nhà Ông Trần Văn Diện | 55 | 50 phước dọc; 5 băng rol ngang |
| 2 | Thị trấn Phú Hòa | 220 | băng rol ngang 20; băng rôn dọc 200 |

| | | | |
|---|---|-----|-------------------------------------|
| | + Tuyến tỉnh lộ 943: từ công chào ranh thị trấn phú hòa giáp TPLX đến cầu mương trâu giáp xã Vĩnh Trạch | 110 | 100 phước dọc; 10 băng rol ngang |
| | + Tuyến 2 : từ Cầu đình đến cầu Hòa Thuận giáp xã Phú Thuận | 110 | 100 phước dọc; 10 băng rol ngang |
| 3 | Thị trấn Óc Eo | 220 | băng rol ngang 20; băng rôn dọc 200 |
| | + Đường Nguyễn Thị Hạnh – Nguyễn Văn Muôn từ Cầu Ba Thê 4 giáp xã Vọng Đông đến Cống Núi Nhỏ giáp xã Vọng Thê | 110 | 100 phước dọc; 10 băng rol ngang |
| | + Tuyến đường Lâm Thanh Hồng : từ ấp Trung Sơn giáp ấp Tân Hiệp A đến ấp Trung Sơn ngã 3 UBND thị trấn Óc Eo | 110 | 100 phước dọc; 10 băng rol ngang |
| 4 | Xã Phú Thuận | 230 | băng rol ngang 30; băng rôn dọc 200 |
| | + Tuyến 1 từ ấp Kênh Đào đến giáp ranh phường Mỹ Thạnh TPLX | 55 | 50 phước dọc; 5 băng rol ngang |
| | + Tuyến 2 từ ranh thị trấn Phú Hòa đến UBND xã Phú Thuận | 60 | 50 phước dọc; 10 băng rol ngang |
| | + Tuyến 3 từ ấp Kênh Đào đến ấp Hòa Tây B | 60 | 50 phước dọc; 10 băng rol ngang |
| | + Tuyến 4 từ Ranh xã Vĩnh Trinh huyện Vĩnh Thạnh đến ranh xã Thạnh Mỹ huyện Vĩnh Thạnh | 55 | 50 phước dọc; 5 băng rol ngang |
| 5 | Xã Vĩnh Phú | 230 | băng rol ngang 30; băng rôn dọc 200 |
| | + Tuyến chính: từ ấp Trung Phú 1 đến Trung Phú 2 và khu dân cư Trung phú 3 | 60 | 50 phước dọc; 10 băng rol ngang |
| | + Tuyến Ranh làng từ ấp Trung Phú 4 đến ấp trung Phú 6 | 55 | 50 phước dọc; 5 băng rol ngang |

| | | | |
|----------|--|-----|--|
| | + Tuyến áp Trung Phú 5 | 55 | 50 phước dọc; 5 băng rol ngang |
| | + Tuyến khu dân cư áp Trung Phú 3 đến áp Trung Phú 6 | 60 | 50 phước dọc; 10 băng rol ngang |
| 6 | Xã Định Thành | 230 | băng rol ngang 30; băng rôn dọc 200. |
| | - Tuyến 1: Tỉnh lộ 943 từ Trại Giam đến kênh F | 60 | 50 phước dọc; 10 băng rol ngang |
| | - Tuyến 2: ĐH 78 từ kênh Ông Đốc đến kênh F | 55 | 50 phước dọc; 5 băng rol ngang |
| | - Tuyến Lộ tế Định Thành từ ĐH 78 đến TL 943 | 60 | 50 phước dọc; 10 băng rol ngang 2,8 km |
| | - Tuyến kênh H từ ĐH 78 đến TL 943 | 55 | 50 phước dọc; 5 băng rol ngang |
| 7 | Xã Thoại Giang | 230 | băng rol ngang 30; băng rôn dọc 200. |
| | - Tuyến Tỉnh lộ 960 từ cầu Thoại Giang đến cầu Thoại Giang 2 | 115 | 100 phước dọc; 15 băng rol ngang |
| | - Tuyến Tỉnh lộ 943 từ cầu Thoại Giang đến cầu Ba Thê 1 | 115 | 100 phước dọc; 15 băng rol ngang |
| 8 | Xã Vọng Đông | 230 | băng rol ngang 30; băng rôn dọc 200. |
| | + Tuyến 1 đường tỉnh 943 từ Cầu Ba Thê 1 đến cầu Ba Thê 4 | 120 | 100 phước dọc; 20 băng rol ngang |
| | + Tuyến lộ 15 từ cầu Núi Tượng Số 1 đến giáp xã An Bình | 55 | 50 phước dọc; 5 băng rol ngang |
| | + Tuyến 3 từ Cầu dây Văng áp Sơn Thành đến giáp xã Mỹ Phú Đông | 55 | 50 phước dọc; 5 băng rol ngang |

| | | | |
|----|--|-----|--------------------------------------|
| 9 | Xã Bình Thành | 230 | băng rol ngang 30; băng rôn dọc 200 |
| | - Tuyến 1 áp Tây Huề từ Cầu kênh D đến cầu kênh B | 50 | 40 phướn dọc; 10 băng rol ngang |
| | - Tuyến 2 từ Cầu Thoại II đến cầu xã Diều | 45 | 40 phướn dọc; 5 băng rol ngang |
| | - Tuyến 3 từ Cầu Thoại giang III đến cầu Hiên Hào | 45 | 40 phướn dọc; 5 băng rol ngang |
| | - Tuyến 4 từ cầu Đông Thành đến cầu Kiên Hào | 45 | 40 phướn dọc; 5 băng rol ngang |
| | - Tuyến đường chính từ đường dẫn áp Nam Huề đến đường dẫn áp Bình Thành | 45 | 40 phướn dọc; 5 băng rol ngang |
| 10 | Xã An Bình | 230 | băng rol ngang 30; băng rôn dọc 200. |
| | + Tuyến Tỉnh lộ 947 từ áp Phú Bình đến áp Phú Hiệp | 115 | 100 phướn dọc; 15 băng rol ngang |
| | + Tuyến lộ 15 từ áp Sơn Hiệp đến áp Phú Hiệp giáp xã Tây Phú | 115 | 100 phướn dọc; 15 băng rol ngang |
| 11 | Xã Mỹ Phú Đông | 230 | băng rol ngang 30; băng rôn dọc 200 |
| | + Tuyến Núi chóc - Năng Gù :Từ Cầu Trường tiên giáp Vĩnh Phú đến Cầu Mỹ Giang giáp Vọng Đông | 80 | 70 phướn dọc; 10 băng rol ngang |
| | + Tuyến MPĐ - Tây Phú :Từ KDC áp Tân Phú đến Cầu kênh 4 giáp An Bình | 60 | 50 phướn dọc; 10 băng rol ngang |
| | + Tuyến MPĐ - Định Mỹ :Từ Chợ MPĐ đến Cầu Kênh 2 giáp Định Mỹ | 90 | 80 phướn dọc; 10 băng rol ngang |
| 12 | Xã Vĩnh Khánh | 230 | băng rol ngang 30; băng rôn dọc 200 |

| | | | |
|----|---|-----|-------------------------------------|
| | + Tuyến 1 từ Tỉnh lộ 943 đến cầu Bùi Trung Ôn | 65 | 50 phước dọc; 15 băng rol ngang |
| | + Tuyến 2 Từ cầu Bùi Trung Ôn đến cầu kênh H giáp Thạnh An Cần Thơ | 55 | 50 phước dọc; 5 băng rol ngang |
| | + Tuyến 3 từ cầu Bùi Trung Ôn đến kênh T7 giáp Vĩnh Chánh | 55 | 50 phước dọc; 5 băng rol ngang |
| | + Tuyến 4 từ cầu Bùi Trung Ôn đến kênh ranh giáp Thạnh Quới Cần Thơ | 55 | 50 phước dọc; 5 băng rol ngang |
| 13 | Xã Định Mỹ | 230 | băng rol ngang 30; băng rôn dọc 200 |
| | + Tuyến chính từ ấp Phú Hữu đến ấp Mỹ Thành | 65 | 50 phước dọc; 15 băng rol ngang |
| | + Tuyến kênh Mỹ Giang giáp ranh với xã Mỹ Phú Đông Từ cầu Mỹ giang đến cầu Mũi Tàu | 55 | 50 phước dọc; 5 băng rol ngang |
| | + Tuyến kênh Trường Tiền giáp ranh xã Mỹ Phú Đông từ cầu Trường Tiền đến Cầu kênh hai | 55 | 50 phước dọc; 5 băng rol ngang |
| | + Tuyến Khu dân cư Chợ Trường Tiền | 55 | 50 phước dọc; 5 băng rol ngang |
| 14 | Xã Vọng Thê | 230 | băng rol ngang 30; băng rôn dọc 200 |
| | + Tuyến 1 : từ tỉnh lộ 943 đến cầu mướp Giăng | 65 | 50 phước dọc; 15 băng rol ngang |
| | + Tuyến 2 : từ Cầu sắt đến cầu ranh giáp xã An Bình | 55 | 50 phước dọc; 5 băng rol ngang |
| | + Tuyến 3 : Tỉnh lộ 947 từ Cầu Thanh niên đến giáp xã Mỹ Hiệp Sơn Kiên Giang | 55 | 50 phước dọc; 5 băng rol ngang |
| | + Tuyến 4 từ cầu mướp Giăng đến giáp rang xã Tây Phú | 55 | 50 phước dọc; 5 băng rol ngang |

| | | | |
|----|---|-----|-------------------------------------|
| 15 | Xã Tây Phú | 230 | băng rol ngang 30; băng rôn dọc 200 |
| | + Tuyến lộ 943 : từ giáp cầu mướp giăng xã Vọng Thê đến cầu kênh Làng | 115 | 100 phướn dọc; 15 băng rol ngang |
| | + Tuyến Bờ Tây kênh mướp Giăng từ cầu Hiệp Hùng đến cầu ranh xã Tân Phú | 115 | 100 phướn dọc; 15 băng rol ngang |
| 16 | Xã Vĩnh Trạch | 230 | băng rol ngang 30; băng rôn dọc 200 |
| | + Tuyến lộ Tây cò từ ấp Trung Bình nhất đến Cầu Ba Bần | 70 | 60 phướn dọc; 10 băng rol ngang |
| | + Tuyến lộ Thanh Niên từ ĐT 943 đến giáp xã Vĩnh Chánh | 90 | 80 phướn dọc; 10 băng rol ngang |
| | + Tuyến Vĩnh Trung từ Đình Vĩnh Trạch đến cầu kênh Ông Đốc | 70 | 60 phướn dọc; 10 băng rol ngang |
| 17 | Thị trấn Núi Sập | 330 | băng rol ngang 30; băng rôn dọc 300 |
| | - Tuyến Nguyễn Huệ từ cầu kênh F tới cầu Thoại Giang | 30 | 25 phướn dọc; 5 băng rol ngang |

| | | | |
|------------------------------|---|----|----------------------------------|
| | - Tuyến Nguyễn Văn Trỗi: từ nhà bia tới Lòng Hồ số 01 | 30 | 25 phươn dọc; 5 băng rol ngang |
| | - Tuyến đường Võ Văn Kiệt :từ THCS Núi Sập tới cầu Kênh E (Cầu Bà Sáu Lợi) | 30 | 25 phươn dọc; 5 băng rol ngang |
| | - Tuyến Nguyễn Văn Linh : từ ấp Bắc Sơn tới cầu đôi cán bộ khu dân cư | 30 | 25 phươn dọc; 5 băng rol ngang |
| | - Tuyến Thoại Ngọc Hầu: từ cua bà sáu gà ấp Nam Sơn tới cầu bà sáu lợi | 28 | 25 phươn dọc; 3 băng rol ngang |
| | - Tuyến Nguyễn Thị Minh Khai: từ nhà bia tới cầu đập đá | 27 | 25 phươn dọc; 2 băng rol ngang |
| | - Tuyến Lê Lợi :Từ nhà trọ Hữu Nghị tới vòng đai tới cầu đập đá | 28 | 25 phươn dọc; 3 băng rol ngang |
| | - Tuyến Trần Nguyên Hãn:từ ngã ba Lòng Hồ số 01 tới ngã ba cua cây me | 27 | 25 phươn dọc; 2 băng rol ngang |
| ĐƠN VỊ: HUYỆN TRI TÔN | | | |
| A | KHU VỰC CẮM TREO BĂNG RÔN | | |
| | (Không có) | | |
| B | KHU VỰC ĐƯỢC TREO BĂNG RÔN | | |
| I | Khu vực ngoài đô thị | | |
| 1 | Quốc lộ N1, Từ Cầu 23 đến ranh giới xã Vĩnh Gia. | 50 | (Băng rôn ngang 05, băng dọc 45) |
| 2 | Tỉnh lộ 955B, Từ Bia Chiến thắng Cầu sắt Vĩnh Thông đến Công viên Ngã ba Lạc Quới | 50 | (Băng rôn ngang 02, băng dọc 48) |
| 3 | Quốc lộ N1, Từ cổng trào ranh xã Lạc Quới đến Cầu Ranh xã Vĩnh Phú-Kiên Giang. (Toàn Tuyến) | 50 | (Băng rôn ngang 10, băng dọc 40) |
| 4 | Tỉnh lộ 941, từ cầu số 10 đến cầu số 13 | 50 | (Băng rôn ngang 05, băng dọc 45) |
| 5 | Tỉnh lộ 941, Từ cầu số 15 đến cầu số 13 | 50 | (Băng rôn ngang 05, băng dọc 45) |

| | | | |
|----|--|----|---------------------------------|
| 6 | Tỉnh lộ 941 Từ điện máy thanh niên đến cầu 16 | 50 | (Băng rôn ngang 2,băng dọc 48) |
| 7 | Tỉnh lộ 943, Từ cổng số 5 đến cổng số 7 | 50 | (Băng rôn ngang 2,băng dọc 48) |
| 8 | Tỉnh lộ 943, Từ cổng số 7 đến trụ sở Công an xã | 50 | (Băng rôn ngang 05,băng dọc 45) |
| 9 | Tỉnh lộ 943, Từ giáp xã Núi Tô đến cầu Sóc Triết | 50 | (Băng rôn ngang 10,băng dọc 40) |
| 10 | Tỉnh lộ 943, Từ cổng chùa Soài so đến giáp ranh TT Cô Tô | 50 | (Băng rôn ngang 05,băng dọc 45) |
| 11 | Tỉnh lộ 943, Từ giáp ranh xã TT. Tri Tôn đến Trường THCS Núi Tô | 50 | (Băng rôn ngang 05,băng dọc 45) |
| 12 | Tỉnh lộ 948 Từ công viên Cây Me đến giáp ranh huyện Tịnh Biên | 50 | (Băng rôn ngang 05,băng dọc 45) |
| 13 | Tỉnh lộ 955B, Từ Chợ Châu Lãng đến Xí nghiệp đá Antraco | 50 | (Băng rôn ngang 05,băng dọc 45) |
| 14 | Tỉnh lộ 955B, Từ Xí nghiệp đá An Tra Cô đến giáp thị trấn Ba Chúc) | 50 | (Băng rôn ngang 20,băng dọc 30) |
| 15 | Tỉnh lộ 955B, Từ Đại đội Bộ Binh đến cổng chùa sập gia) | 50 | (Băng rôn ngang 05,băng dọc 45) |
| 16 | Tỉnh lộ 955B, Từ Đài Tưởng niệm đến ngã ba Cây Dầu, Ngã Ba Dầu Lộ | 50 | (Băng rôn ngang 05,băng dọc 45) |
| 17 | Tỉnh lộ Tri Tôn – Vàm Rầy, Từ cầu Lò Gạch đến cầu chữ U | 50 | (Băng rôn ngang 10,băng dọc 40) |
| 18 | Tỉnh lộ Tri Tôn – Vàm Rầy, ấp Ninh Phước, xã Lương An Trà (Từ cầu chữ U đến cầu Cống Ranh) | 50 | (Băng rôn ngang 05,băng dọc 45) |
| 19 | Tỉnh lộ Tri Tôn – Vàm Rầy, Từ Cầu An Tức đến Cầu Lo Gạch thuộc ấp Ninh Thạnh, xã An Tức | 50 | (Băng rôn ngang 05,băng dọc 45) |

| | | | |
|----|---|----|----------------------------------|
| 20 | Tỉnh lộ Tri Tôn – Vàm Rầy, Từ đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đến Trường Trung Cấp Nghề Dân Tộc Nội Trú. | 50 | (Băng rôn ngang 05, băng dọc 45) |
| 21 | Tỉnh Lộ 959, Từ cổng chùa Tà Pạ đến giáp ranh xã An Tức. | 50 | (Băng rôn ngang 02, băng dọc 48) |
| 22 | Tỉnh Lộ 959, Từ Chùa Chruôc Pôk đến công vào Ô Thum giáp ranh xã Ô Lâm thuộc 3 ấp Ninh Lợi, Ninh Thuận, Ninh Hòa | 50 | (Băng rôn ngang 10, băng dọc 40) |
| 23 | Tỉnh Lộ 959, Từ giáp ranh xã An Tức đến giáp ranh thị trấn Cô Tô. | 50 | (Băng rôn ngang 10, băng dọc 40) |
| 24 | Tỉnh Lộ 959, Từ gần UBND xã Ô Lâm đến chợ Ô Lâm | 50 | (Băng rôn ngang 02, băng dọc 45) |
| 25 | Tỉnh Lộ 959, Từ UBND TT. Tri Tôn đến ranh xã Ô Lâm. | 50 | (Băng rôn ngang 05, băng dọc 45) |
| 26 | Tỉnh lộ 949, Từ Ban nhân dân ấp đến giáp ranh xã Lê Tri. | 50 | (Băng rôn ngang 02, băng dọc 48) |
| 27 | - Tỉnh lộ 949, Từ Ban nhân dân ấp đến ngã ba Sóc Tức, đoạn giáp ranh xã An Cư huyện Tịnh Biên); Giáp ranh với TT. Ba Chúc (Toàn tuyến). | 50 | (Băng rôn ngang 10, băng dọc 40) |
| 28 | Tỉnh Lộ 958, Từ Cầu An Tức đến Cầu Lo Gạch thuộc ấp Ninh Thạnh | 50 | (Băng rôn ngang 05, băng dọc 45) |
| 29 | Đoạn từ đầu đường tuyến dân cư theo QĐ 29 (nhà ông Sơn), Từ giáp ranh xã Núi Tô hướng về Tri Tôn (Thuộc ấp Ninh Lợi) | 50 | (Băng rôn ngang 02, băng dọc 48) |
| 30 | Tỉnh lộ 959, Đoạn từ đầu đường AT6 (vào gà đốt trái tim) đến Tức Dụp – giáp ranh xã Ô Lâm) ấp Ninh Thuận – xã An Tức | 50 | (Băng rôn ngang 02, băng dọc 48) |
| 31 | Đoạn từ Ban ấp Ninh Thuận đến giáp ranh xã Núi Tô (Đường Hồ Soài Chék) Từ Ban ấp Ninh Thuận đến Hồ Soài Chék | 50 | (Băng rôn ngang 02, băng dọc 48) |

| | | | |
|--------------------------------|---|-------------|----------------------------------|
| II | Đường nội ô | | |
| 1 | Đường Hùng Vương, TT. Tri Tôn, Từ điện máy Thanh Niên Đến cầu 16 | 50 | 50 băng dọc |
| 2 | Đường Trần Hưng Đạo, TT. Tri Tôn, Từ Chân Cầu cây Me đến Kho bạc cũ. | 50 | 50 băng dọc |
| 3 | Đường 3/2, TT. Tri Tôn, Từ Chân Cầu Cây Me đến chợ cá. | 50 | (Băng rôn ngang 05, băng dọc 45) |
| 4 | Đường Nguyễn Thị Minh Khai, TT. Tri Tôn, Từ Vòng Xuyên cầu cây me đến công xuyên nhà thờ. | 50 | (Băng rôn ngang 05, băng dọc 45) |
| 5 | Đường Ngô Lợi, TT. Ba Chúc Từ Đài tưởng niệm đến ngã ba Cây Dầu. | 50 | (Băng rôn ngang 02, băng dọc 48) |
| 6 | Đường Liên Hoa Sơn Từ Ngã Ba Cây Dầu đến Ngã Ba Đầu lộ. | 50 | (Băng rôn ngang 02, băng dọc 48) |
| 7 | Đường Thủy Đài Sơn, Từ Ngã Ba Cây Dầu đến Ngã Ba Đầu lộ. | 50 | (Băng rôn ngang 05, băng dọc 45) |
| ĐƠN VỊ: HUYỆN TỊNH BIÊN | | | |
| A | KHU VỰC CẮM TREO BĂNG RÔN | | |
| B | KHU VỰC ĐƯỢC TREO BĂNG RÔN | | |
| | Khu vực ngoài đô thị | 1.58 | Ngang 195, dọc 1.385 |
| 1 | Khu Dân cư Xuân Biên (VP khóm Xuân Biên đến chợ bò Tà Ngáo) (thuộc thị trấn Tịnh Biên) | 50 | Ngang 10, dọc 40 |
| 2 | Khu vực cửa khẩu Quốc tế Tịnh Biên (Siêu thị miễn thuế) (thuộc thị trấn Tịnh Biên) | 100 | Ngang 10, dọc 90 |
| 3 | Khu vực tiếp giáp Cầu Trà Sư đến giáp ranh xã An Phú (thuộc thị trấn Nhà Bàng) | 100 | Ngang 10, dọc 90 |
| 4 | Đoạn từ đầu chợ Nhà Bàng đến giáp ranh xã Thới Sơn (thuộc thị trấn Nhà Bàng) | 10 | Ngang 2, dọc 8 |

| | | | |
|----|--|-----|-----------------|
| 5 | Đoạn đường Nguyễn Sinh Sắc (thuộc thị trấn Nhà Bàng) | 70 | Ngang 5,dọc 65 |
| 6 | Trụ sở UBND xã – HL8 (thuộc xã Nhơn Hưng) | 5 | Ngang 1,dọc 4 |
| 7 | Trường THCS Nguyễn Sinh Sắc – HL8 (thuộc xã Nhơn Hưng) | 20 | Ngang 5,dọc 15 |
| 8 | Trường Tiểu học “A” Nhơn Hưng – HL8 (thuộc xã Nhơn Hưng) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |
| 9 | Trường Mầm non Nhơn Hưng – HL8 (thuộc xã Nhơn Hưng) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |
| 10 | Trường TH “B” Nhơn Hưng – TL955A (thuộc xã Nhơn Hưng) | 100 | Ngang 10,dọc 90 |
| 11 | Trạm Y tế - TL955A (thuộc xã Nhơn Hưng) | 5 | Ngang 1,dọc 4 |
| 12 | BCHQS xã – TL955A (thuộc xã Nhơn Hưng) | 5 | Ngang 1,dọc 4 |
| 13 | Văn phòng ấp Đông Hưng – TL955A (thuộc xã Nhơn Hưng) | 5 | Ngang 1,dọc 4 |
| 14 | Văn phòng ấp Tây Hưng – Đường Vĩnh Hưng (thuộc xã Nhơn Hưng) | 5 | Ngang 1,dọc 4 |
| 15 | Văn phòng ấp Trung Bắc Hưng – Đường Đông Trà Sư (thuộc xã Nhơn Hưng) | 5 | Ngang 1,dọc 4 |
| 16 | Chợ tươi sống Chi Lăng (thuộc thị trấn Chi Lăng) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |
| 17 | Trụ sở Văn phòng Khóm 3 (thuộc thị trấn Chi Lăng) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |
| 18 | Đường Lê Lợi (Khu vực Lâm Hữu Dụng) (thuộc thị trấn Chi Lăng) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |
| 19 | Cụm hương lộ 11, tổ 1, ấp Voi I (thuộc xã Núi Voi) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |
| 20 | Văn phòng ấp Núi Voi (thuộc xã Núi Voi) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |
| 21 | Cụm tổ 18, ấp Mỹ Á (đường ra Tân Lập) (thuộc xã Núi Voi) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |
| 22 | Hương lộ 11 (Trụ sở UBND xã) (thuộc xã Núi Voi) | 20 | Ngang 4,dọc 16 |
| 23 | Trường Mẫu giáo (T 9, ấp Mỹ Á) (thuộc xã Núi Voi) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |
| 24 | Chùa Mỹ Á (Tổ 13, ấp Mỹ Á) (thuộc xã Núi Voi) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |

| | | | |
|----|--|-----|-----------------|
| 25 | Trạm Y Tế (HL 11, Tổ 14, ấp Mỹ Á) (thuộc xã Núi Voi) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |
| 26 | Hương lộ 18 (Ranh TT. Chi Lăng) (thuộc xã Núi Voi) | 20 | Ngang 2,dọc 18 |
| 27 | Trường tiểu học Núi Voi, tổ 2, ấp Núi Voi (thuộc xã Núi Voi) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |
| 28 | Trường THCS Lê Văn Duyệt (thuộc xã Núi Voi) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |
| 29 | Văn phòng ấp Mỹ Á (thuộc xã Núi Voi) | 10 | Ngang 2 ,dọc 8 |
| 30 | Văn phòng ấp Voi I (thuộc xã Núi Voi) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |
| 31 | Hương lộ 11, gần phủ thờ (tổ 2, ấp Núi Voi) (thuộc xã Núi Voi) | 20 | Ngang 2,dọc 18 |
| 32 | Đường Núi Voi - Chi Lăng (tổ 5, ấp Núi Voi) (thuộc xã Núi Voi) | 20 | Ngang 2,dọc 18 |
| 33 | Hương lộ 11, khu vực ấp Mỹ Á (tổ 12) (thuộc xã Núi Voi) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |
| 34 | Tỉnh lộ 948 Đoạn Cầu Tà đék (thuộc xã An Hảo) | 50 | Ngang 5,dọc 45 |
| 35 | Tỉnh lộ 948 Khu vực Trụ sở UBND xã An Hảo hướng đi Tri Tôn 100m + 100 m đi xã Tân Lợi (thuộc xã An Hảo) | 50 | Ngang 5,dọc 45 |
| 36 | Tỉnh lộ 948 nằm trong khu vực cách ranh xã Châu Lăng , huyện Tri Tôn 100m và Cách ranh xã Tân Lợi 100m , Văn phòng ấp An Thạnh (thuộc xã An Hảo) | 20 | Ngang 4,dọc 16 |
| 37 | Trước các điểm trường: THCS Nguyễn Bình Khiêm; Trường THCS Núi Cấm; Trường TH “A” tỉnh lộ 948; TH “C” An Hảo tỉnh lộ 948, Điểm phụ trường TH “C” ấp An Lợi; Trường Mẫu giáo An Hảo tỉnh lộ 948, điểm phụ ấp An Đông; Trường TH “B” điểm chính trên Núi Cấm, điểm phụ ấp Tà Lọt; Trường Mầm non Ánh Dương – tỉnh lộ 948 (thuộc xã An Hảo) | 100 | Ngang 10,dọc 90 |
| 38 | Tỉnh lộ 949 (thuộc xã An Cư) | 50 | Ngang 5,dọc 45 |

| | | | |
|-----------|--|------------|---------------------------|
| 39 | Huyện lộ 13 (thuộc xã An Cư) | 20 | Ngang 5,dọc 15 |
| 40 | Huyện lộ 11 (thuộc xã An Cư) | 100 | Ngang 10,dọc 90 |
| 41 | Huyện lộ 6 (thuộc xã An Cư) | 50 | Ngang 5,dọc 45 |
| 42 | Khu vực tỉnh lộ 955a (thuộc xã An Phú) | 50 | Ngang 5,dọc 45 |
| 43 | Khu vực hậu tỉnh lộ 955a (thuộc xã An Phú) | 20 | Ngang 5,dọc 15 |
| 44 | Khu vực hương lộ Tà Ngáo (thuộc xã An Phú) | 30 | Ngang 5,dọc 25 |
| 45 | Khu vực Quốc lộ 91 (thuộc xã An Phú) | 100 | Ngang 10,dọc 90 |
| 46 | Khu vực hương lộ 6 (thuộc xã An Phú) | 50 | Ngang 5,dọc 45 |
| 47 | Khu vực hương lộ mới của 13 (thuộc xã An Phú) | 100 | Ngang 10,dọc 90 |
| 48 | Khu vực ngã 4 cục sét đến chùa Kim Tiên (thuộc xã An Phú) | 50 | Ngang 5,dọc 45 |
| II | Đường nội ô | 970 | Ngang 114, dọc 856 |
| 1 | Đường N1 ấp Tân Biên (thuộc xã An Nông) | 100 | Ngang 10,dọc 90 |
| 2 | Đường Hương lộ 17 ấp An Biên (thuộc xã An Nông) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |
| 3 | Đường Kênh 3/2 ấp Phú Cường (thuộc xã An Nông) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |
| 4 | Đường Kênh 23 ấp Phú Cường (thuộc xã An Nông) | 50 | Ngang 5,dọc 45 |
| 5 | Khu vực tiếp giáp với ngã tư giao nhau đường Thoại Ngọc Hầu đến ngã ba tà lá (khóm Xuân Hiệp), thuộc thị trấn Tịnh Biên. | 50 | Ngang 5,dọc 45 |
| 6 | Đường Hữu Nghị (đoạn từ Trạm xuất Nhập Cảnh đến Chợ Tịnh Biên), thuộc thị trấn Tịnh Biên. | 50 | Ngang 5,dọc 45 |
| 7 | Khu vực hành chính hương lộ mới của 13 (thuộc xã An Phú) | 50 | Ngang 5,dọc 45 |
| 8 | Đường Đoàn Minh Huyền (thuộc thị trấn Nhà Bàng) | 10 | Ngang 1,dọc 9 |
| 9 | Đường Dương Văn Hào (thuộc thị trấn Nhà Bàng) | 50 | Ngang 5,dọc 45 |
| 10 | Đường Sơn Đông (thuộc thị trấn Nhà Bàng) | 20 | Ngang 2,dọc 18 |
| 11 | Đường Lương Văn Diễn (thuộc thị trấn Nhà Bàng) | 10 | Ngang 2,dọc 18 |
| 12 | Đường tỉnh lộ 948 (thuộc xã Thới Sơn) | 50 | Ngang 5,dọc 45 |

| | | | |
|----|--|----|----------------|
| 13 | Đường Lâm Vô (thuộc xã Thới Sơn) | 10 | Ngang 1,dọc 9 |
| 14 | Đường Bào Mướp (thuộc xã Thới Sơn) | 50 | Ngang 5,dọc 45 |
| 15 | Đường chùa Phước Điền (thuộc xã Thới Sơn) | 50 | Ngang 5,dọc 45 |
| 16 | Đường Đình Thới Sơn (thuộc xã Thới Sơn) | 50 | Ngang 5,dọc 45 |
| 17 | Đường Gò Cây Tung (thuộc xã Thới Sơn) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |
| 18 | Khu trung tâm hành chính của xã (thuộc xã Thới Sơn) | 50 | Ngang 2,dọc 48 |
| 19 | Đường Tây Trà Sư (thuộc xã Thới Sơn) | 20 | Ngang 2,dọc 18 |
| 20 | Đường Hương lộ Ô Tà Bang (HL6) (thuộc xã Văn Giáo) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |
| 21 | Đường Văn Râu (thuộc xã Văn Giáo) | 20 | Ngang 5,dọc 18 |
| 22 | Đường TL 948 (thuộc xã Văn Giáo) | 50 | Ngang 5,dọc 45 |
| 23 | Trụ sở UBND thị trấn, phía trước UBND thị trấn (thuộc thị trấn Chi Lăng) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |
| 24 | Trụ sở Văn phòng Khóm 1 (thuộc thị trấn Chi Lăng) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |
| 25 | Trụ sở Văn phòng Khóm 2 (thuộc thị trấn Chi Lăng) | 10 | Ngang 2, dọc 8 |
| 26 | Trụ sở Văn phòng Khóm 3 (thuộc thị trấn Chi Lăng) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |
| 27 | Đường Chi Lăng nối dài (thuộc thị trấn Chi Lăng) | 50 | Ngang 5,dọc 45 |
| 28 | Đoàn tư Văn phòng Khóm 2 đến TL 948 (thuộc thị trấn Chi Lăng) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |
| 29 | Cổng Trường Mẫu giáo Chi Lăng (thuộc thị trấn Chi Lăng) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |
| 30 | Cổng Trường Mầm non Hoa Hồng (thuộc thị trấn Chi Lăng) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |
| 31 | Cổng Trường Tiểu học A Chi Lăng (thuộc thị trấn Chi Lăng) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |
| 32 | Cổng Trường Tiểu học B Chi Lăng (thuộc thị trấn Chi Lăng) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |
| 33 | Cổng Trường THCS Cao Bá Quát (thuộc thị trấn Chi Lăng) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |

| | | | |
|------------|---|------------|--------------------------|
| 34 | Công Trường THPT Chi Lăng (thuộc thị trấn Chi Lăng) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |
| 35 | Đường Nam An Hòa (Văn Phòng ấp An Hòa) (thuộc xã An Hảo) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |
| 36 | Văn phòng các ấp: An Đông, An Lợi, Vồ Bà, Vồ Đầu, Tà Lọt, Thiên Tuế (thuộc xã An Hảo) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |
| III | Trong các công viên | 245 | Ngang 34, dọc 211 |
| 1 | Trong khuôn viên Công viên Trụ sở UBND-Trường Học, Công An, Quân sự , Ban ấp (thuộc xã An Nông) | 7 | Ngang 1,dọc 6 |
| 2 | Trong khuôn viên Công viên B (thuộc xã An Nông) | 20 | Ngang 5,dọc 15 |
| 3 | Công viên Minh Nguyệt (thuộc thị trấn Tịnh Biên) | 20 | Ngang 5,dọc 15 |
| 4 | Khuôn viên chợ Bách Hóa Tịnh Biên (thuộc thị trấn Tịnh Biên) | 50 | Ngang 5,dọc 45 |
| 5 | ấp Phú Hòa (thuộc xã An Phú) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |
| 6 | Trong khuôn viên Công viên UBND thị trấn Nhà Bàng | 9 | Ngang 1,dọc 8 |
| 7 | Trong khuôn viên công viên Chi Lăng (thuộc thị trấn Chi Lăng) | 9 | Ngang 1,dọc 8 |
| 8 | Khu dân cư dưới chân Núi Cẩm (Trước và trong Công viên) (thuộc xã An Hảo) | 100 | Ngang 10,dọc 90 |
| IV | Trên dãy phân cách | | |
| 1 | Đường N1 ấp Tân Biên (thuộc xã An Nông) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |
| 2 | Đường 17 ấp An Biên; Phú Cường (thuộc xã An Nông) | 10 | Ngang 2,dọc 8 |